

# Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập

Nguyễn Bình Khiêm

## Mục Lục

1. Bạch Vân Quốc Ngữ Thi Tập
2. Bạch Vân Gia Huấn
3. Bạch Vân Am Thi Tập
4. Bạch Vân Ca
5. Sấm Ký
6. Nghệ Thuật Thơ Chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm

## Phần I. Bạch Vân quốc ngữ thi tập

### 1. Khuyên đời

Mãng chề người ngắn, cây ta dài;  
Hơn kém dù ai cũng mặc ai.  
Mùi nọ có bụi không có ngọt;  
Màu kia chày thắm lại chày phai.  
Đã hay phận định đành an phận;  
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài.  
Quân tử ngắm xem cơ xuất xứ;  
Ắt là khôn hết cả hoà hai.

### 3. Lòng thư thái

Vinh nhục bao phen hẳn đã từng,  
Lòng người sự thế dửng dưng.  
Khen thì nên tốt, chê nên đại,  
Mất ắt chẳng âu, được chẳng mừng.  
Có ai biết được lòng tri kỷ,  
Vội vội non cao nguyệt một vầng.

### 5. Đường đời hiểm hóc

### 2. Mặc ai tài trí

Mặc ai rằng tài, mặc ai rằng trí,  
Ngay mặt đã hay đồng củ khoai.  
Cáo đội oai hùng mà hết giống,  
Ruồi nương đuôi ký lũng khoe người.  
Nhân tình cho biết,  
Ba bát đầy, này cũng sáu voi.

### 4. An phận

Giàu cơm thịt, khó cơm rau,  
An phận là tiên, lọ phải cầu.  
Sớm uống chè thung, hơi ngút ngút.  
Hôm kè hiên nguyệt, tỏ lâu lâu.  
Vun thông tưới cúc ba thằng nhỏ,  
Đồ lửa hâm trà một mụ hầu.

### 6. Đạo thường

Áng công danh sá cấp tay  
Nhiều phen đã khỏi tiếng tai bay  
Hoa mai bạc, vì trắng tỏ  
Bóng trúc thưa, bởi gió lay  
Ưu ái chẳng quên niềm trước  
Thị phi biếng nói sự nay.  
Đã từng trải sơn hà hết,  
Đường thế nhiều nơi hiểm hóc thay!

### 7.Điền viên thứ bài 1

Lộ là thành thị với lâm tuyền,  
Được thú thì hơn miễn phận bàn.  
Bời vụng bất tài nên kém bạn,  
Âu già vô sự cũng là tiên.  
Đồ thư một quyển, nhà làm cửa;  
Phong nguyệt năm hồ, khách nổi thuyền.  
Dù nhẩn chê khen, dù miệng thế;  
Cơ mầu Tạo Hoá mặc tự nhiên.

### 9.Điền viên thứ bài 3

Trải nguy nan, đã mấy phen,  
Thân nhân, phúc lại được về nhân.  
Niềm xưa trung ái thề chẳng phụ,  
Cảnh cũ điền viên thú đã quen.  
Ba quyển đồ thư thư nặng túi,  
Một thuyền phong nguyệt chở đầy then,  
Trời cũng biết nơi lành dữ,  
Hoạ phúc chẳng dùng cái tóc chen.

### 10. (Chưa rõ tên 1)

Dừng dung mọi sự gác bên ngoài,  
Dầu được, dầu thua, ai mặc ai.  
Mùi thế gian nhiều mặc lạt,  
Đường danh lợi có chông gai.  
Mấy người phú quý hay yên phận?(1)  
Hễ kẻ anh hùng những cậy tài(2).  
Dầu thấy hậu sinh thì dễ sợ(3),  
Sùng kia chẳng mọc, mọc hơn tai.

.....

Chợ họp thì người đến dờ dang,  
Xa yêu vì có mùi hương.  
Ưu ngọt thì hơn nhiều người trọng,  
Quá chua ra ủng có ai màng.  
Ở có đức lành hơn ở dữ,  
Yêu nhau chẳng đã một đạo thường.

### 8.Điền viên thứ bài 2

Tóc đã thưa, răng đã mòn,  
Việc nhà đã phó mặc dâu con.  
Bàn cờ cuộc rượu vầy hoa trúc,  
Bó củi cần câu trốn nước non.  
Nhàn được thú vui hay nấn ná,  
Bữa nhiều muối bể chứa tươi ngon.  
Chín mươi thì kẻ xuân đã muộn,  
Xuân ấy qua thì xuân khác còn.

- (1) Câu 5 đặt theo cách nghi vấn: Nguyễn Bình Khiêm nói mỉa rằng để có mấy kẻ giàu sang chịu yên phận mình, không chen chân vào vòng đua tranh?
- (2) Tin ở tài mình, chắc rằng mình có tài tất có được dùng. Nhưng cũng vì lẽ quá tin này, mà có thể mắc tai vạ
- (3) Chú thích: Dầu thấy hậu sinh thì dễ sợ. Câu này lấy ý "hậu sinh khả úy", lời của Khổng Tử, chép trong thiên Tử Hãn, sách Luận ngữ. Câu 7,8 ý nói: phải biết rằng người sinh sau là giỏi và đáng sợ hơn khác nào như cái sừng tuy mọc sau cái tai, nhưng sẽ mọc dài hơn cái tai vậy.

## 11. (Chưa rõ tên 2)

Nói nghiệp nhà xưa học một kinh(1),  
 Chẳng ngờ lạc đến áng công danh.  
 Thân xưa đã có duyên hương lửa(2),  
 Lộ nặng ơn nhờ đức thánh minh.  
 Lỗi bước, già nên chịu đại,  
 Hay cơ, trẻ khá làm thình?  
 Phúc nho hoạ trong đời trị,  
 No ấm cũng nhờ phúc thái bình.

.....

- (1) Đây chỉ là một cách nói khiêm tốn. Cũng có thể một kinh ở đây là Kinh Dịch mà Nguyễn Bình Khiêm đã dày công nghiên cứu.
- (2) Đã đạt được công danh.

## 12. (Chưa rõ tên 3)

Nói nên hoang (1) lại nói rằng thì,  
 Giàu: trọng, sang: yêu, khó: chẳng vì.  
 Nhị kết, hoa thơm, ong đến đở(2),  
 Mỡ bùi, mật ngọt, kiến nào đi?(3)  
 Thanh tao của có, thanh tao bấy,  
 Náo nức tay không, náo nức gì?  
 Mặc rũi, mặc may khi gặp gỡ,  
 Khen chi, khen miệng, cọt mà chi?

.....

- (1) Tiếng cổ, nghĩa: nói ba hoa, không hợp lẽ. Ta nay còn nói: huênh hoang. Cả câu ý nói: nói đúng thực sự thì e thiên hạ cho là liêu lĩnh, bừa bãi, lại nói này, nói nọ, không hay (sự thực được nêu lên ở câu sau).
- (2) Chú thích: Nhị kết, hoa thơm, ong đến đở

Câu 3 ý nói: người có tài đức tất được người đời quy phục, tin theo

- (3) Câu 4 ý nói: có của cho người, thì khi nào kẻ xu nịnh lại bỏ đi?

### 13. (Chưa rõ tên 4)

Rất nhân sinh bảy tám mươi(1),  
Làm chi lão đảo nhọc lòng người.  
Bạch Vân am vắng chim kêu muợn,  
Kim Tuyền(2) dòng thanh cá mát tươi.  
Ưu ái một niềm hằng nhớ chúa,  
Công danh hai chữ đã nhường người.  
Giàu lẫn khó, yên đời phận(3),  
Rất nhân sinh bảy tám mươi.

Thanh nhàn dưỡng được tính tự nhiên,  
Non nước cùng ta đã có duyên.  
Dắng dỏi(4) bên tai cầm suối,  
Dập dìu trước mặt tán sen(5).  
Xuân về, hoa nở mùi hương nức,  
Khách đến, chim mừng dáng mặt quen.  
Chốn ấy thanh nhàn được thú,  
Lọ là Bồng đảo(6) mới tiên

.....

- (1) Câu này ý nói: tác giả đã đến tuổi bảy tám mươi là vào loại hiếm thấy trong đời.

- (2) Tức là con sông Tuyết (sông Hàn) chảy qua làng tác giả. Chưa rõ chữ "Kim" ngụ ý gì.

- (3) Chú thích: Giàu lẫn khó, yên đời phận. Câu này ý nói: dù giàu có hay nghèo khó cũng yên phận mình mà thôi.

- (4) Tiếng cỏ, nghĩa: vang động. Cầm suối: nước suối chảy, tiếng thánh thót nghe như tiếng gảy đàn.

- (5) Lá sen tròn, xoè ra như cái tán.

- (6) Đảo Bồng Lai ở bể Bột Hải, tương truyền nơi ở của tiên.

### 14. Cửa nặng hơn người

Đời này nhân nghĩa tựa vàng mười(1),  
Có của thì hơn hết mọi lời.  
Trước đến tay không, nào thốt(2) hỏi,  
Sau vào gánh nặng(3), lại vui cười.  
Anh anh, chú chú, mừng hơn hơn,  
Rượu rượu, chè chè(4), thế tả tôi.  
Người của, lấy cân ta thử nhắc,  
Mới hay rằng của nặng hơn người.

.....

- (1) Chú thích: vàng mười. Thứ vàng mười tuổi. Chữ Hán gọi là "thập thành kim", một thứ vàng quý nhất. Câu thơ có nghĩa đen rất mỉa mai: nhân nghĩa tựa vàng, vàng là nhân nghĩa (ý này chuyển xuống câu 2).

- (2) Chú thích: thốt. Tiếng cổ, nghĩa: nói năng. Thốt hỏi: ở đây có nghĩa là chào hỏi

- (3) Ý chỉ của cái nhiều.

- (4) Rượu chè

### 15. Có phúc có phần

Trời sinh, trời ắt đã dành phần,  
Tu hãy cho hiền, dạ có nhân.  
Khó chớ oán thân, thân mới nhẹ  
Giàu mà yêu chúng, chúng càng gần.  
Bạo hung chửi đã gươm mài đá,  
Phúc đức rành hay cỏ đơm xuân.  
Chớ có hại nhân mà ích kỷ,  
Giấu người, khôn giấu được linh thần.

### 16. Cương thường tổng quát

Trời phú tính ở mình ta,  
Đạo cả cương thường (1) năm mấy ba.  
Tôi hết ngay(2), chầu chức chúa,  
Con hằng thảo(3), kính thờ cha.  
Anh em mưa nỡ(4) điều hơn thiệt,  
Bầu bạn cho hay nét thực nhà.  
Nghĩa vợ chồng xem rất trọng.  
Ở đầu phong hoá(5) phép chung nhà.

- (1) Cương: là cái giường lưới tức cái dây chính của lưới, từ đó móc các sợi la, mắt lưới, nhà Nho dùng chữ "cương" để chỉ những quan hệ lớn nhất của xã hội phong kiến. Tam cương: vua (là giường của) tôi; cha (là giường của) con; chồng (là giường của) vợ. Ngũ thường: năm đức tính mà người ta hằng phải có: nhân (thương người), lễ (phép tắc trong sự ăn ở), nghĩa (lễ phải), trí (sự sáng suốt), tín (giữ đúng lời nói).

- (2) Dịch chữ "trung"

- (3) Dịch chữ "hiếu".

- (4) Tiếng cổ, nghĩa: chẳng nên

- (5) Nhà nho xưa coi tình nghĩa vợ chồng là mối đầu của phong hoá, là cơ sở của xã hội. Truyện Hoa Tiên nói về tình vợ chồng có câu: "Khuê môn cho rết mối đầu chính phong".

### 17. Chớ cậy rằng hơn

Làm người hay một, hoá hay hai,  
Chớ cậy rằng khôn, chớ cậy tài.  
Trực tiết cho bền bằng sắt đá,  
Đi đường ngấm hết chốn chông gai.  
Ở thế khá yêu là của khá,  
Ra đường ai dễ kém gì ai.

### 18. Đại khôn

Làm người có đại mới nên khôn,  
Chớ đại ngây si, chớ quá khôn.  
Khôn được ích mình, đừng rẻ đại,  
Đại thì giữ phận chớ tranh khôn.  
Khôn mà hiểm độc là khôn đại,  
Đại vốn hiền lành ấy đại khôn.

Miệng đời tựa mật mùi càng ngọt,  
Đạo thánh bằng tơ mới hãy dài.

Chớ cậy rằng khôn khinh kẻ dại,  
Gặp thời, dại cũng hoá nên khôn.

### 19. Dĩ hoà vi quý

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu(1),  
Làm chi cho có sự đối co(2).  
Đây cậy đây khôn, đây chẳng chịu,  
Đấy rằng đấy phải, đấy không thua.  
Duật nọ mưa còn đua với bạng(3),  
Lươn kia hầu dễ kém chi cò(4)?  
Chữ rằng: "Nhân dĩ hoà vi quý(5)",  
Vô sự thì hơn, kéo phải lo.

- .....
- (1) Người đàn ông tài giỏi. Ý câu thơ răn người ta ở đời đừng có tranh hơn thua, tranh lấy cái tiếng tài giỏi.
  - (2) Tranh cãi giằng co nhau về một việc gì
  - (3) Chú thích: Duật nọ mưa còn đua với bạng. Duật: một loài chim nước. Bạng: con trai. Câu này dẫn điển "bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi" trong Chiếu quốc sách: Một hôm, con trai lên bãi cát mở miệng phơi nắng, con cò (duật) đến mổ vào thịt con trai, con trai liền khép vỏ lại, cặp chặt lấy mỏ con cò. Hai con giành nhau mãi, sau bị người chài bắt được cả đôi.
  - (4) Chú thích: Lươn kia hầu dễ kém chi cò. Lươn: thân dài, có thể quấn chặt được thân cò. Cò: mỏ dài, có thể mổ vào thịt lươn. Ý nói mỗi bên đều có sở trường để đối địch với nhau.
  - (5) Chú thích: Nhân dĩ hoà vi quý. Người ta ở đời nên lấy sự hoà hảo với nhau làm điều cốt yếu

### 20. Giới dĩ phú láng bần (Răn người cậy giàu mà coi thường người nghèo)

Kẻ khó thường làm ích kẻ giàu,  
Ở thì phải ngấm, biết nhường nhau,  
Bán kia, chẳng nở mua cho rẻ,  
Vay nợ, xin đừng lấy lãi đau.  
Bớt nổi sai đời làm độc khổ(1),  
Thôi thì đã trả hãy cơ cầu(2).  
Nặng lòng nhân nghĩa hay thương khó,  
Giàu ấy hầu toan mới được lâu(3).

- .....
- (1) Chú thích: Bớt nổi sai đời làm độc khổ, Ngày trước, những nhà giàu chuyên môn làm nghề cho vay lấy lãi, gọi là "chủ nợ", người nghèo khó đi vay, gọi là "con nợ". Nếu đến hạn mà con nợ chưa trả, thì chủ nợ có quyền cho bọn tay sai đến nhà con nợ thúc giục trả nợ, thì chúng giữ đủ mảnh khoé độc ác, nào giết gà, đánh chó để ăn, lên giường thờ ông bà ông vải của người ta để ngủ, v.v... Khi chúng ra về, con nợ còn phải có tiền hoặc phẩm vật gì tiễn chúng thì mới xong xuôi.
  - (2) Hãy cơ cầu: hãy còn cơ cầu (ác nghiệt). Ý nói khi con nợ đã trả đủ gốc và lãi rồi, chủ nợ hãy còn yêu sách phải tạ ơn nải chuối, buồng cau, hoặc con gà, quả gạo nếp, thủ lợn.
  - (3) Chú thích: Nặng lòng nhân nghĩa hay thương khó, Giàu ấy hầu toan mới được lâu. Câu 7, 8 ý tác giả khuyên người đời khi đã giàu có rồi, muốn được bền thì phải có lòng nhân nghĩa đối xử với mọi người, đặc biệt là phải

thương kẻ nghèo hèn đói khổ. Rõ ràng lời khuyên vẫn bao hàm cái ý chấp nhận trật tự phong kiến, có kẻ giàu người nghèo, vì tác giả không vượt nổi ra ngoài ý thức hệ phong kiến.

### 21. Giới sắc (Răn người ham sắc đẹp)

Cần(1) cho hay, chẳng phải chơi,  
Sắc xem dường sóng, dễ xiêu người(2).  
Lửa rơm nếu chữa ngăn lòng tục,  
Giường mới đâu còn biết lẽ trời(3).  
Có chồng con bao xiết nỗi,  
Hay bùa thuốc ấy thói đời(4).  
Kham hiền(5), luận ác "dâm vi thủ(6)",  
Cần cho hay, chẳng phải chơi.

- .....
- (1) Giữ gìn, đề phòng cho chu đáo, không sơ suất.
  - (2) Người xưa thường hay dùng hình ảnh này. Một câu thơ cổ: "Sắc bất ba đào, dị nịch nhân" (Sắc chẳng có sóng, mà dễ khiến làm đắm người). Lý Diên -Niên (Đường) cũng có câu: "Nhất tiểu khuynh nhân thành, tái tiểu khuynh nhân quốc" (Người đẹp cười lần thứ nhất làm nghiêng thành người, cười lần thứ hai làm nghiêng nước người).
  - (3) Câu 3, 4 ý nói: khi gần sắc đẹp, nếu chẳng giữ mình, để cho lòng tục lồi kéo đến chỗ "lửa rơm lâu ngày cũng bén" và lúc đó, sẽ quên hết lẽ trời và đạo đức con người.
  - (4) Người xưa tin rằng để làm cho người khác say mê, người ta có thể dùng "bùa thuốc".
  - (5) Đáng khen là hiền.
  - (6) Theo quan điểm Nho giáo luận về mọi tội ác, định rõ dâm ô là đứng đầu. Người xưa có câu: "Bách ác, dâm vi thủ; vạn thiện, hiếu vi tiên" (Trăm điều ác, dâm là đầu; vạn điều lành, hiếu đứng trước).

### 22. Giới sùng Phật vô ích (Răn người sùng bái Phật vô ích)

Suy lý cho cùng Phật ấy ta,  
Lọ là chung bóng đạo Di Đà?  
Hiền lành, hãy giữ bề tu kỹ(1),  
Dối trá, đừng nghe đũa xuất gia(2).  
Để chúng đúc chuông(3) nhân đã lạ,  
Đặt điều phá ngục(4) thói ru mà.  
Chẳng tin, Lương Vũ(5) còn bia cũ,  
Tra(6), mà lại biết thực chẳng ngoa.

- .....
- (1) Sửa mình.
  - (2) Bỏ nhà đi tu
  - (3) Chú thích: đúc chuông. Nhà tu hành đạo Phật thường đem tờ phả khuyến đi khuyến giáo thập phương, lấy tiền của để đúc chuông, hoặc tô tượng Phật. Họ cho đấy là việc "công đức".
  - (4) Theo thuyết của nhà tu hành đạo Phật, thì dưới âm phủ có 18 địa ngục, ở địa ngục có quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa hành tội chúng sinh, vì thế nên phải lập đàn làm chay nhằm phá ngục để siêu độ chúng sinh.
  - (5) Tức Vũ Đế (502-540) Nhà Lương, thời Nam Bắc Triều. Vũ Đế rất ham mê Phật giáo. Về sau bị Hậu Cảnh vây đánh, 7 ngày không có gì ăn, phải chết đói.
  - (6) Tức tìm tòi, tra cứu. Câu này ý nói: nghiên cứu đến nơi đến chốn, thì biết chuyện Vũ Đế sùng Phật mà bị chết đói không phải sai ngoa, từ đó đủ biết mộ đạo Phật nào có ích gì?

### 23. Dưỡng thân

Mới hay phú quý bởi thời vận(1),

Chữ "vị" là biếng nói năng,

Há rằng chẳng biết sự nên chăng.

Tu niệm ngang tàng thú dưỡng thân(2).  
Hứng ý, miệng ngâm câu quốc ngữ,  
Giải phiền, tay chuốc chén quỳnh xuân(3).  
Đường hoa chào khách, mặt nhìn mặt,  
Ngõ hạnh(4) đưa người chân ngại chân.  
Dẫu có ai than, thì sẽ nhủ(5),  
"Thái bình thiên tử, thái bình dân(6)".

Nhá rau lại tiếc mùi canh ngọt,  
Ném ếch còn thềm có giống măng.  
Vuốt mặt còn chừa qua mũi nọ,  
Rút dây lại nệ(7) động rừng chẳng?  
Dầu ai nghị luận điều lành dữ,  
Chữ "vị" là vị biếng nói năng.

- .....
- (1) Câu này ý nói: do số mệnh xoay vần mà được phú quý hay không, chứ cố gắng tìm kiếm cũng chẳng được. Bản in trong "Việt thi" của Trần Trọng Kim k -- (2) Chú thích: Tu niệm ngang tàng thú dưỡng thân. Câu này ý nói: nên tự mình nhắc nhở mình luôn luôn giữ cho bền vững, không để cho nhụt kém cái thú dưỡng thân. Dưỡng thân: theo nghĩa triết học, là giữ cho bền khí chất không để cho khí chất thay đổi theo ngoại cảnh mà sinh ra dục vọng.
  - (3) Chén rượu ngon. Quỳnh tên một thứ ngọc quý. Xuân: ở đây là danh từ dùng trang sức cho lời nói (mỹ từ pháp).
  - (4) Chú thích: Ngõ hạnh. Cũng như "ngõ mận", "cửa mận", danh từ chỉ nơi quyền quý, xem thêm chú thích bài 22 trên
  - (5) tiếng cổ, nghĩa: bảo cho...
  - (6) Chú thích: "Thái bình thiên tử, thái bình dân". Câu này ý nói: mong ước được sống trong cảnh thái bình, cả vua và dân đều chung hưởng hạnh phúc.
  - (7) Sợ. Câu này tác giả nói thoát ý câu tục ngữ "Rút dây lại sợ động rừng".

#### 24. Giới tham (Răn người có lòng tham)

Tượng trời(1) âu đã quá đồng cân,  
Định cho ai, ắt có phần.  
Muốn vô nhai(2), khôn lẽ được,  
Ơn phi phận(3), khá đều phân.  
Đủ no hay vậy, xin thông thả,  
Sạo sục(4) làm chi, luống nhọc nhằn!  
Nếu tham hơn thì phải thiệt,  
Hãy ghi lời ấy để mà răn.

- .....
- (1) Chỉ đồng tiền (được đúc tròn theo tượng trời). Câu này ý nói: đồng tiền được đúc theo tượng trời, ắt cũng cân bằng, không thiên lệch.
  - (2) Ý nói trong bụng quá tham, không biết thế nào là bờ bến
  - (3) Ơn huệ vốn không phải phần mình đáng được hưởng
  - (4) Tiếng cổ, nghĩa: nôn nóng, bồn chồn

#### 25. Khuyên đãi bằng hữu (Khuyên đối xử với bạn)

Làm người dầu đã bạn cùng ai,  
Chữ "tín" tua thìn chẳng chút sai(1).  
Đừng có nồng chi rồi lại lạt,  
Nếu mà thắm lấm ắt liền phai(2).  
Chợ hàng, miễn nhớ tuồng chơi hợp(3),  
Rượu bạc, xin thôi sức ép nài.  
Sắc ắt sơ(4) hằng cần đấy,  
Yêu nhau nghĩa ấy mới bền dai.

- (1) Câu 2 ý nói: chơi với bạn nên giữ chữ "tín" cho trọn vẹn, chớ đờn sai. Tín là giữ đúng lời hứa, lời hẹn với bạn, khiến bạn có thể tin cậy.
- (2) Trong quan hệ bè bạn, người xưa thường nhắc câu: "Quân tử chi giao đạm nhược thuỷ" (tình bạn bè của người quân tử thanh đạm như nước). Ca dao cổ cũng có câu: "Xin ai đừng thẳm, chớ phai, thoang thoảng hoa nhài mà lại thom lâu".
- (3) Câu 5 ý nói: làm bạn với nhau, đừng rử rê nhau ăn uống nay chợ mai hàng, bê tha, mất tư cách.
- (4) Viếт thoát ý lời của Khổng Tử: "Bằng hữu, sắc tư sơ hi" ý nói đối với bầu bạn, nếu mình can ngăn luôn luôn (sắc) tất sẽ bị bạn xa lánh (sơ) - (Luận ngữ).

## 26. Khuyếп đấi tông tộc (Khuyếп đối xử với họ hàng)

Dòng dõi suy ra cũng một nhà,  
 Xem ai hơn nữa họ hàng ta?  
 Đỡ đầп đầпh cậу vậу cánh,  
 Gửi thắс(1) càng tin ruộт rà.  
 Chắng bỏ đượс nào, sao chắng biếт?  
 Nên gầп cho lắм, há nên xa?  
 Cùпg nhau bầu bí yêu thươпg lắу(2),  
 Chớ nữ xem bằng khách tới qua(3).

- (1) Dịch chữ "ký thắс". Câu thơ ý nói: gửi gắм cái gì thì phải tin vào người thân thắс ruộт rà là hơn cả.
- (2) Câu này ý nói: anh em họ hàng thươпg yêu lẫn nhau như tình bầu bí. Ca dao có câu "Bầu ơi thươпg lắу bí cùпg, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".
- (3) Tình họ hàng là phải thươпg yêu đùm bọc nhau, cứu mang giúp đỡ nhau trong lúc hoặп nạn, chớ nên coi nhau như khách vắпg lai và đối xử với nhau gặп chắng hay chớ.

## 27. Khuyếп huynh đệ vật cặпh tranh (Khuyếп anh em chớ tranh nhau)

Cùпg đội sinh thành một cửa ra,  
 Anh em trời đã thực cho ta  
 Giúp nàп(1), chốпg rẻ cùпg nương cậу,  
 Biếт kính, hay yêu miếп thuận hoà.  
 Xui giựс chớ tin lời vợ.  
 Yêu thươпg sá thắу lòng cha(2).  
 Chầп tay(3) gắм lại ai hơn nữa,  
 Tranh cặпh làm chi, lỗi phép nhà?

- (1) Giúp đỡ nhau trong lúc khó khắп. Chốпg rẻ: chốпg kẻ khinh thườпg anh em mình. Câu này ý nói: anh em phải giúp đỡ nhau trong lúc hoặп nạn, và nương cậу nhau việc chốпg lại kẻ khinh rẻ ức hiếp mình.
- (2) Yêu thươпg sá thắу lòng cha: khi anh em có chuyện xích míсh nên nghĩ đếп táм lòng cha yêu thươпg tất cả, mà tìm cách thuận hoà với nhau.
- (3) Người xưa thườпg nói: "Anh em như tay chầп".

## 28. Khuyếп đời

Mắпg chề người gắп, cậу ta dài;  
 Hơn kém dù ai cũng mặc ai.  
 Mùi nọ có bụi không có ngọt;  
 Mầu kia chậу thẳm lại chậу phai.  
 Đã hay phậп địnհ đầпh an phậп;

Dấu có tài hơn chớ cậy tài.  
Quân tử ngẫm xem cơ xuất xứ;  
Át là khôn hết cả hoà hai.

### 29. Thú tiêu dao

Xóm tự nhiên, lều một căn,  
Quét không thầy thả bụi hồng trần.  
Nhìn hàng cam quất, con đòi cũ,  
Mấy đũa ngư tiều, bô bạn thân.  
Thấy nguyệt tròn thì kể tháng,  
Nhìn hoa nở mới hay xuân.

### 30. Nhẫn thì qua

Chưa dễ ai là bụt Thích Ca,  
Mọi niềm nhân ngã nhẫn thì qua.  
Lòng vô sự trắng in nước,  
Cửa thẳng lai gió thổi hoa.  
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,  
Mấy người đầu bạc tuổi già,  
Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách,  
Được thú ta đà có thú ta.

### 31. Tiêu sái tự nhiên

Tiêu sái tự nhiên ắt nhẹ mình,  
Nài bao quyền cả áng công danh.  
Vô tâm ước có gương soi bạc.  
Đặc thú kho đầy gió mát thanh.  
Trẻ đâu biết cơ tạo hoá,  
Già lo phục thuốc trường sinh.

### 33. Nhân tình thế thái bài (?) (Thế gian biến cải)

Thế gian biến cải vững nên doi(1),  
Mặn nhạt, chua cay lẫn ngọt bùi.  
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử(2),  
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.  
Xưa nay đều trọng người chân thực,  
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi(3).  
Ở thế(4) mới hay người bạc ác,  
Giàu thì tìm đến, khó tìm đi.

.....

- (1) Ý nói ở nhân gian thường có sự thay đổi ghê gớm cũng ví như sông sẽ thành núi, vững sẽ thành doi cát. Có bản chép là "đồi".

- (2) Chú thích: đệ tử Chỉ học trò, đầy tớ

### 32. Mùa thu đi chơi thuyền

Nước xuôi, nước ngược, sóng dâng triều,  
Thuyền khách chơi thu, nọ phải diu.  
Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hứng.  
Buồm giông ngọn gió mặc cơn siêu.  
Phơ phơ đầu bạc ông câu cá,  
Leo leo giòng xanh con mắt mèo.  
Le vọt cùng ta như có ý,  
Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

- (3) Hoặc đái buổi, có nghĩa: nói tử tế ở cửa miệng, không thành thực
- (4) Ở đời

#### 34. Nhân tình thế thái bài 04

Thấy dặm thanh vân bước ngại chen  
 Được nhàn ta sá dưỡng thân nhàn  
 Ba gian am quán lòng hằng mến  
 Đồi chốn sơn hà mặt đã quen  
 Thanh vắng thú quê giàu bao nả  
 Dữ lành miệng thế mặc chê khen  
 Mai kia chữa dễ thu nên muộn  
 Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

#### 36. Nhân tình thế thái bài 16

Chửa dễ ai là bụt Thích Ca  
 Mọi niềm nhân ngã nhẩn thì qua  
 Lòng vô sự trắng in nước  
 Cửa thẳng lai gió thổi hoa  
 Kia khách xuân xanh khi trẻ  
 Mấy người đầu bạc tuổi già  
 Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách  
 Được thú ta đà có thú ta.

#### 38. Nhân tình thế thái bài 36

Một bầu một bát vững sơn tăng  
 Thế sự ngoài tai biếng nói năng  
 Hoa nở luống hay tin gió  
 Đàm thanh còn thấy dáng trăng  
 Già ai ủ thông làm củi  
 Trẻ người yêu trúc mọc măng  
 Nếu có công danh thì có lụy  
 Cho hay dù có chẳng bằng chăng.

- (1) Mặc cho ai, mặc cho ta. Tiếng ai là tiếng tác giả tự nói mình.
- (2) Bao hàm ý hơi mỉa mai. Nói "dại" nhưng thực ra tự cho là "khôn", và ngược lại. Giá: thứ rau bằng mầm của hột đậu xanh ngâm ủ, mọc lên. Thơ ca dân gian có câu: "Đậu ngâm nên giá, đái đàng nhau chi".
- (3) Tác giả ý dẫn điển Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hoè, rồi mơ thấy mình ở nước Hoè An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển... Sau bừng mắt tỉnh dậy thì hoá ra đó là một giấc mộng, thấy dưới cành hoè phía Nam chỉ có một tổ kiến mà thôi. Câu chuyện nói lên quan niệm của người xưa cho cuộc đời toàn là chuyện hư ảo, hão huyền. Phú quý chỉ là một giấc chiêm bao.

#### 40. Nhân tình thế thái bài 40

Vòi vọi xuân xanh nửa tiền  
 Già càng khoẻ khó càng bền  
 Đồi phen lần lượt vì thơ dại

#### 35. Nhân tình thế thái

##### bài 07 (Nhẹ đường danh lợi)

Được thua thấy đã ít nhiều phen,  
 Để rỏ công danh đổi lấy nhàn.  
 Am Bạch Vân rồi nhàn hứng,  
 Dặm hồng trần vắng ngại chen.  
 Ngày chầy(1) họp mặt hoa là khách,  
 Đêm vắng hay lòng, nguyệt ấy đèn.  
 Chớ chớ thờ ơ nhìn mới biết,  
 Đỏ thì son đỏ mực thì đen.

- (1) Ngày muộn, ý nói suốt ngày.

#### 37. Nhân tình thế thái bài 28

Nép mình qua trước chốn xô xao  
 Mấy sự bên tai gió thoảng ào  
 Cửa trúc vỗ tay cười khúc khích  
 Hiên mai tréo cẳng hát nghêu ngao  
 Lo le đã vậy thời dầu vậy  
 Vật vãnh màng bao sá quản bao  
 Chẳng hết trung cần hai chữ ấy  
 Nhờ ơn đất rộng cày trời cao.

#### 39. Nhân tình thế thái bài 38 (Cảnh nhàn)

Một mai một cốc một cần câu  
 Thơ thần dù ai(1) vui thú nào  
 Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ  
 Người khôn người đến chốn lao xao(2)  
 Thu ăn măng trúc đồng ăn giá  
 Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao  
 Rượu đến gốc cây ta sẽ uống  
 Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao(3)

#### 41. Nhân tình thế thái bài 46 (Mặc chê khen)

Thị phi chẳng quản, mặc chê khen,  
 Ngu dại chan chan tính đã quen.  
 Cảnh cũ điền viên tìm chốn cũ,

Mọi sự lờ đờ bởi rượu quen  
Ngày vắng giải phiền cờ một cuộc  
Đêm thanh làm bạn sách hai bên  
Xưa nay xuất xử đâu là phải  
Ở cũng nên về ắt cũng nên.

#### 42. Từ sự phụ mẫu (Con thờ cha mẹ)

Ngẫm đạo làm con ở rất nan(1),  
Ở cho lộn đạo mới là ngoan.  
Hay khi "ôn sảng(2)" bề cung dưỡng(3),  
Siêng thừa "thần hôn(4)" việc hỏi han.  
Dầu giận hờn, càng kính thuận,  
Vâng sai khiến, dám phàn nàn?  
Chữ rằng: "Chưa dễ đền ơn nặng",  
Lọ nổi riêng tây theo thế gian?

.....

- (1) Khó khăn.

- (2) Do chữ "đông ôn, hạ sảng", nói về bốn phận kẻ làm con chăm sóc cha mẹ. Khi đông về giá rét thì con lo cho cha mẹ được ấm áp và khi hè đến nóng bức thì con lo cho cha mẹ được mát mẻ. Văn học cổ dịch "ôn sảng" là: quạt nòng, áp lạnh.

- (3) Tìm thức ăn nuôi cha mẹ (cung cấp, phụng dưỡng).

- (4) Do chữ "hôn định, thần tĩnh", cũng nói về bốn phận kẻ làm con chăm sóc cha mẹ. Hằng ngày, cứ tối đến thì con phải hầu cha mẹ cho yên giấc ngủ, và lúc buổi sớm ngủ dậy thì con phải thăm hỏi xem cha mẹ có được yên giấc ban đêm không.

#### 43. Tự thân

Gần son thì đỏ, mực thì đen,  
Sáng, biết nhờ ơn thuở bóng đèn.  
Ăn uống miễn theo nơi phép tắc,  
Tới lui cho biết lễ kinh quyền(1).  
Nên chăng, mặc thế(2) người lành dữ,  
Tráo trở, khôn ai thói bạc đen(3).  
Ở thế có khôn thì có khó(4),  
Chữ rằng: "Vô sự tiểu thần tiên(5)".

.....

- (1) Kinh là đi theo đường thẳng, làm theo lễ thường: quyền là quả cân, cân nhắc theo quả cân, linh hoạt tùy điều kiện.

- (2) Mặc đời.

- (3) Câu 6 ý nói: ăn ở tráo trở, bạc đen như ai há có phải là khôn ngoan?

- (4) Dẫu khôn ngoan, cũng chẳng tránh khỏi có lúc gặp khó khăn

- (5) Nghĩa chung của toàn bài là khuyên người đời nên lánh xa những chốn xấu xa, xử sự đúng đạo đức, hợp lễ kinh quyền để giữ lấy cuộc sống yên ổn.

#### 44. Tự thuật

Tuổi già ngoài tám mươi già,  
Thấm thoát xem bằng bóng ngựa qua,  
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết,

Khách nhàn sơn dã dưỡng thân quen.  
Nhà thông đường trúc lòng hằng mến,  
Cửa mặt tường đào bước ngại chen.  
Thế sự tuần hoàn hay đáp đối.  
Từng xem thua được một hai phen.

#### 45. Thế sự

Non Đoài vắng vẻ bấy nhiều lâu;  
Có một đàn xà đánh lộn nhau.  
Vượn nọ leo cành cho sĩ bóng;

Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa.  
Dầu có phận là ơn chúa,  
Được làm người bởi đức cha.  
Am quán ngày nhân rồi mọi việc,  
Dầu ta tự tại mặc dầu ta.

#### 46. Thế tục

Khôn dại nào ai chẳng có nghề,  
Khó khăn phải lụy đến thê nhi.  
Được thì thân thích chen chân đến,  
Thất thế hương lư ngành mặt đi.  
Thốt có tanh hôi ruồi mới đến,  
Sành không mặt mỡ kiến bò chi ?  
Đời nay những trọng người nhiều củ,  
Bằng đến tay không mấy kẻ vi!

#### 48. Thú ẩn dật

Một cơ yêu nhọc đổi lại đều,  
Yêu bao nhiêu thì nhọc bấy nhiêu.  
Tham phải án công danh lụy,  
Muốn cho con tạo trêu.  
Vui vầy lạc xã năm ba khách,  
Lánh chốn Nam Dương ở một lều.

#### 50. Thú thanh nhàn

Giàu mặc phận, khó dầu bì.  
Độ thanh nhàn khá nhất bì.  
Vếu vào câu thơ cũ rích.  
Khề khà chén rượu hăng xì,  
Trắng thanh gió mát là tương thức,  
Nước biết non xanh ấy cố thị.

#### 52. Thú nhàn

Lần thẩn ngày qua lại tháng qua,  
Một năm xuân tới một phen già.  
Ái ưu(1) vắng vặc trắng in nước,  
Danh lợi lằng lằng gió thổi hoa(2).  
Án(3) sách vẫn còn án sách cũ,  
Nước non bạn với nước non nhà.  
Cuộc cờ đua chí dù cao thấp,  
Ta muốn thanh nhàn thú vị ta.

.....  
- (1) Do chữ "ưu dân ái quốc", nghĩa là lòng yêu nước thương dân bao giờ cũng trong sáng như vàng trắng in đáy nước. Và đây cũng là một tư tưởng quán triệt trong nhiều bài thơ của tác giả sau này.

- (2) Chú thích: Danh lợi lằng lằng gió thổi hoa. Cõi danh lợi nhẹ thoảng (như gió thổi vào hoa), không đáng kể

Lợn kia làm quái phải sai đâu.  
Chuột nọ lăm le mong cắn tổ;  
Ngựa kia đứng đĩnh bước về tàu.  
Hùm ở trên rừng gằm mới dậy,  
Tim về quê cũ khúc ngựa Tần.

#### 47. Thói đời

Thế gian biến đổi vũng nên đời  
Mặn nhạt, chua cay lẫn ngọt bùi  
Còn bạc, còn tiền còn đệ tử  
Hết cơm, hết rượu hết ông tôi  
Xưa nay đều trọng người chân thực  
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi  
Ở thế mới hay người bạc ác  
Giàu thì tìm đến khó tìm lui.

#### 49. Thú dưỡng thân

Mới phú quý bởi thời vận,  
Tu luyện lâu bền thú dưỡng thân.  
Hứng ý miệng ngâm câu quốc ngữ,  
Giải phiền tay chuốt chén quỳnh xuân.  
Đường hoa chào khách mặt nhìn mặt,  
Ngõ hạnh đưa người chân ngại chân.  
Dầu có ai than thì sẽ nhủ:  
"Thái bình Thiên tử, thái bình dân".

#### 51. Vô sự là hơn

Hễ kẻ trêu người, kẻ phải lo,  
Chẳng bằng vô sự ngáy o o.  
Tay kia khéo nắm, còn hơn mở  
Miệng nọ hay cười, có lúc ho  
Có thưở được thời mèo đuổi chuột  
Đến khi thất thế kiến tha bò  
Được thua sau mới ăn năn lại,  
Vô sự thường hơn có sự ru.

- (3) Cái bàn dài. Có bản chép sai chữ Án ở câu này là Yên, thứ gối dựa làm bằng gỗ, ở dưới có chỗ để sách; chép như vậy cũng có nghĩa, mà âm điệu câu thơ lại êm hơn. Thật ra, hai chữ án và yên gần giống nhau.

## Phần II. Bạch Vân gia huấn

### 1. Bài mở đầu

Lượng Đức Thánh<sup>(1)</sup> rộng như biển cả,  
Truyền dạy cho thiên hạ điều hay.  
Làm điều thiện hưởng phúc đây,  
Bất nhân thất đức có ngày tiêu vong.  
Mềm dẻo tốt hơn cương cứng,  
Lưỡi mềm còn mãi, răng thường gãy đi.  
Chớ cậy ta dài mà chê người ngắn,  
Đừng dối lòng đừng oán đất trời.  
Lặng im mà ngắm sự đời,  
Tình người thoang thoảng, vui vui thì bền<sup>(2)</sup>.

Đừng quên bạn nghèo hèn xưa cũ,  
Vợ cháo rau xin chớ phụ tình<sup>(3)</sup>.  
Vật ngon, ăn quá bệnh sinh,  
Vui chơi quá mức, ắt thành tai ương.

Giàu sang lắm nhiều đường bồng lộc,  
Cây tái trồng hẳn gốc bị thương.  
Buổi sáng còn quốc ruộng nương  
Biết đâu chiều đã công đường có khi<sup>(4)</sup>.  
Làm tướng đâu phải vì dòng dõi,  
Thân nam nhi trí phải tự cường.

.....  
- (1) Khổng Tử được tôn là Đức Thánh

- (2) Tục ngữ có câu: Chồng thắm thì chồng phai, Thoang thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu

- (3) Nguyên câu chữ Hán là: Tao khang chi thê bất khả hạ đường, Bần tiện chi giao bất khả vong.

- (4) Công đường có khi: Nghĩa cũ là học giỏi đỗ đạt cao thì được ra làm quan..

### 2. Hiếu hạnh

Đức hiếu hạnh là chương thứ nhất  
Hãy suy xem sự thật ra sao  
Trăm hay lấy hiếu làm đầu,  
Vạn điều ác cũng khơi mào từ dâm<sup>(1)</sup>

Người siêng năng thêm nhiều tuổi thọ,  
Kẻ chơi bời đa số chết non.  
Sự đời chậm chắc thì hơn,  
Tình người thoang thoảng thì hơn quá nồng.  
Sự sang giàu nếu không đáng hưởng,  
Cổ hường, rồi cũng chẳng ra sao.

Dành sách cho con cháu là quý  
 Nhưng để đâu họ đã đọc cho.  
 Dành vàng cho họ đầy kho,  
 Chắc đâu họ đã giữ cho lâu bền.  
 Chi bằng tích đức liền liền,  
 Mới là cái kế lâu bền về sau  
 Hoạ hay phúc biết đâu là cửa  
 Do con người định cả đấng thôi.  
 Ngẫm xem quy luật đất trời,  
 Trông đậu được đậu, dưa thời được dưa  
 Lưới trời rộng thưa, mà không lọt,  
 Không bao giờ bỏ sót chính tà.  
 Biết xấu thời tránh cho xa,  
 Biết lỗi sửa lỗi ấy là điều hay.

Trước khoan nhượng, sau dày quả phúc,  
 Trước mở mang, sau được phúc lành  
 Chớ chơi với kẻ bất minh  
 Của phi nghĩa chớ chiếm thành của ta.  
 Lòng chớ nghĩ gian tà, hiểm độc,  
 Chân đi không bước bậy, giẫm càn.  
 Nghe lời nói thẳng rõ ràng,  
 Thấy nơi chính nghĩa đường hoàng thì theo.

Chưa già đã hưởng lộc cao,  
 Hẳn rằng sau cũng mau mau hết đời.

Kẻ mưu mô hại người người hại  
 Nuôi hận thù thì mãi không thôi  
 Người quân tử chẳng hoài hơi,  
 Chẳng cần lý sự tránh lời hơn thua.  
 Có bệnh, biết phòng ngừa bệnh tật,  
 Thì con người chắc hẳn sống lâu.  
 Có việc, biết báo ban nhau,  
 Cửa nhà yên ấm, bền lâu tình người.

Lấy vợ đâu kén đẹp người.  
 Được người hiền đức thì đời mới vui.  
 Mọi quan hệ với người thân quyến,  
 Dù xa gần năng đến thăm nhau,  
 Quan chức chẳng cứ thấp cao,  
 Thanh liêm, cần mẫn, dân nào chẳng yêu.

Tình bạn bè giúp nhau mới đẹp,  
 Chớ có vì nhau nhệch thân chơi.  
 Ngọc là vật quý ở đời  
 Cháu con hiểu thảo sáng ngời là phong.

- (1) Chú thích: dâm. Dâm không chỉ có nghĩa là dâm dục, dâm ô, dâm đấng, dâm loạn... mà còn có nghĩa phạm những cái gì quá lắm đều gọi là dâm như ăn chơi xa hoa quá đáng.

### 3. Chức phận làm con

Phận làm con phải thông đạo hiếu,  
 Phận làm dân phải hiểu chữ trung.  
 Trên ra lệnh, dưới phục tùng,  
 Cha làm việc tốt, con cùng làm theo.

Của cải nhiều dùng lâu cũng hết,  
 Chữ hiếu trung hưởng mãi vô cùng.

Bàn mưu tư lợi thì đừng,  
 Bàn điều chân chính, nên cùng tham gia.

Làm tốt chớ ba hoa kẻ lẽ,

Dạy điều thiện, đừng nên tham quá,  
 Đề người học có khả năng theo

Khoan hòa sẽ được tin yêu,  
 Siêng năng cần mẫn ắt nhiều thành công.

Nói thận trọng thì không sợ lỗi,  
 Làm thận trọng đỡ hối về sau.  
 Thế lực dù mạnh đến đâu,  
 Nếu đem dùng hết, ắt sau hại mình.

Hoặc cậy thế tạo thành phúc lộc,  
 Hẳn rằng sau cũng chẳng ra gì.  
 Cứ đường chính đạo mà đi,  
 Hiếu, Trung, Nhân, Nghĩa nghĩ suy mà làm.

Hoa sớm nở, thì hoa dễ sớm tàn.  
Cẩn thận đáng giá ngàn vàng,  
Phải suy nghĩ kỹ hãy làm mới hay.

Người tốt hay xấu tay làm phúc,  
Giúp ai không lợi dụng người ta.  
Người biết lỗi, sửa thì tha,  
Trị người có tội, chớ mà quá  
nghiêm.

#### 4. Nói về giàu sang

Bài thứ ba bàn sự giàu sang  
Giàu với sang ai chả ước mong,  
Nhưng giàu sang chẳng chính công,  
Là phi đạo đức, hẳn không lâu bền.

Ai sống kẻ nghèo hèn cũng chán,  
Nhưng bắt lương đỏi hẳn chẳng đi.  
No cơm hẩm thiết gì thịt cá,  
Vui cảnh nghèo, quên cả giàu sang.

Người quyền quý, lắm bạc vàng,  
Lấy gương xử với họ hàng mà soi.  
Ở phải đạo, nhiều người giúp đỡ,  
Sống bất lương, ít chỗ thân tình.

Thà nghèo giữ được thơm danh,  
Hơn giàu lắm chuyện phẩm bình, cười  
chê.  
Bọ ngựa rình con ve định bắt,  
Chim sẻ rình bọ sát phía sau...

.....

- (1) Truyện Kiều có câu: "Có tài mà cậy chi tài ,Chữ tài liền với chữ tai một vần".

#### 5. Đại nghĩa

Bài thứ tư nêu câu Đại nghĩa  
Dạy cho người ta biết để khuyên nhau.  
Trung với nước đặt lên hàng đầu,  
Đạo cha con được xếp vào đại luân.(1)  
Trai tài biết thương dân, thủ tiết,  
Gái kiên trinh phải biết giữ mình.(2)

Tiếng tăm lừng lẫy càng nhiều,  
Tránh xa kẻ xấu sinh điều ghét ghen.  
Nhiều tài cũng lắm phen khôn khéo,  
Nhiều công là cái hồ suy bì.

Nhớ rằng đừng cậy, chẳng khoe (1),  
Phải luôn thận trọng chớ hề phô  
trương.  
Nói với bạn việc ngay ý thẳng,  
Phải người tham họ chẳng nghe đầu.

Nói với quan chuyện thanh cao,  
Phải quan tham những hẳn sau nó trừ.

Con dân thường chăm ngoan học giỏi,  
Cũng có ngày tiến tới làm quan,(4)  
Con quan chẳng chịu học hành,  
Suốt đời cũng chỉ làm anh dân thường.  
Làm quan chức, thắm ơn chế độ,  
Có nuôi con, mới nhớ được công cha.  
Muốn lòng ngay thẳng thật thà,  
Rèn luyện ý trí phải là đầu tiên.

Người tài nước được thơm danh,  
Vợ giỏi như được ngọc lành trời cho.(3)  
Gái bất chính thì cho chẳng lấy,  
Trai có tài mắc bẫy thì ngu.  
Bất trung dễ mắc mưu thù,  
Minh quân như mù mới lấy làm quan.

.....

- (1) Hai câu này nguyên chữ Hán là: "Quân thần thiên địa đại nghĩa, Phụ tử nhân đạo đại luân."
- (2) Hai câu này nguyên chữ Hán là: "Sĩ phu thủ tiết, nữ tử thủ thân"
- (3) Hai câu này nguyên chữ Hán là: "Thiếp nhân quốc chi bảo, hiệu phụ gia chi trân"
- (4) Nhân sinh quan cũ ngày xưa là chăm ngoan học giỏi để thi đỗ ra làm quan. Vận dụng ngày nay là chăm ngoan học giỏi để trở thành quan chức lãnh đạo hoặc chuyên gia giỏi ở các ngành các cấp phục vụ Tổ Quốc và nhân dân"

## 6. Chí thiện

Bài thứ năm: Tâm linh chí thiện  
Mong tốt lành mọi chuyện công tư.  
Rất vui là đọc thi thư,  
Việc đời mệt nhất ấy là dạy con.  
Cha nghiêm phụ răn con hiếu thảo,  
Mẹ nhân từ dạy bảo gái ngoan.  
Nhà lành hương toả chi lan,  
Ở lâu chẳng thấy mùi thơm ngạt ngào.  
Gần kẻ ác như vào chợ cá,  
Buộc người ta quen cả mùi tanh.

Có nét tốt chẳng kiêu căng,  
Đức dày thêm mãi tạo thành thói quen.  
Giàu chớ kiêu chớ nên ích kỷ,  
Sang cũng đừng xa xỉ, hợm đời.  
Việc làm muốn tốt tuyệt vời,  
Ba lần cần nhắc nhở mới làm.  
Suy tính kỹ bao hàm hai ý:  
Việc chung riêng thấu lý đạt tình.

Từ xưa vẫn sợ, vẫn kính,  
Lòng người nham hiểm nảy sinh khó lường  
Kẻ tiểu nhân mưu đồ xảo quyết,

Sinh sự thì bận tâm mệt sức,  
Nên nhún nhường tạo Đức thì hơn.  
Việc chuẩn bị kỹ hãy làm,  
Việc không chuẩn bị chớ tham làm bừa.

Bao kinh nghiệm từ xưa đã thấy,  
Sai một ly đi mấy dặm đường.  
Quả quyết được việc lẽ thường,  
Đắn đo hồng việc, ấy gương ở đời.

Sắc chẳng mê người, chính người mê sắc,  
Rượu chẳng say người, chỉ tại người say.  
Đừng nên vui quá nói chầy,  
Chớ vì sướng quá vung tay làm liều.  
Quý chim phượng bởi yêu lông cánh,  
Trọng người hiền ở cách nói năng.  
Gặp khi hoạn nạn khó khăn,  
Hành vi tế nhị, nói năng lựa lời.

Mười mắt rỗng và mười tay trống  
Thật công minh sáng tỏ sâu xa  
Quả đào người quý tặng ta,  
Ta lấy quả mận đem ra biếu người.  
Cung nỗ lạ chớ cầm mà khốn,

Thích mưu đồ tiêu diệt người ngay.  
Cho dù hiểm độc, quất quay,  
Không qua lẽ phải, chẳng xoay đạo trời.  
Kẻ bất nhân nhất thời nổi tiếng,  
Không người thì trời diệt chẳng tha  
Tự nhiên được của đầy nhà,  
Một là lộc lớn, hai là họa to  
Có lúc bại, trời cho thắng cuộc,  
Hoặc đang nghèo bỗng được giàu sang.  
Thế gian yêu lắm ghét nhiều,  
Khen nhiều chê lắm, bao điều bất an.  
Mừng nhiều lo lắm chẳng oan,  
Vinh nhiều nhục lắm, thế gian thường tình.

Đừng cậy thế mà sinh kiêu ngạo,  
Chớ cậy quyền để tạo lợi riêng.  
Làm một điều thiện cũng nên,  
Trừ một việc ác quả nhiên rất cần.

## 7. Thiện ác

Bài thứ sáu: Hai dòng Thiện-Ác  
Là hai điều thật khác nhau xa  
Trăm năm trong cõi người ta,  
Dờ, hay báo ứng, thật là công minh.  
Báo ứng có khi nhanh, khi chậm,  
Nhà tối, nghèo nào dám coi khinh.  
Việc làm phúc nếu vô tình,  
Nhu tuồng lánh nạn, đáng khinh khỏi bàn.  
Kẻ bạo ngược mưu toan việc xấu,  
Bị được người sao giấu được trời  
Vàng dương mọc lặn luân hồi,  
Mặt trăng tròn khuyết, đầy rồi lại cong.  
Tình người cũng tự, xong lại tán,  
Buồn lại vui, vui chán lại buồn.  
Cỏ hoa sớm nở tối tàn,  
Cây tùng cây bách muôn ngàn sức xuân.

Mỗi ngày xét bản thân ba lượt(1)  
Đêm nhiều người sẽ biết cho ta.  
Số trời vốn sẵn định ra,  
Giàu sang có mệnh, vinh hoa có ngày.  
Hoa nở muộn do cây cần cỗi,  
Đời chưa vui, bởi nổi khổ nghèo.

Ngựa chẳng quen, chớ cưỡi mà ngã.  
Qua ruộng dưa chớ sửa giầy,  
Dưới gốc mận chớ giơ tay sửa đầu.

Coi chừng chón cửa cao nhà rộng,  
Đừng cậy rằng tông tộc mình to.  
Họ to lắm chuyện tò mò,  
Cửa cao thường giữ những trò kiêu căng.

Người tốt, chơi nói năng chân thật,  
Kẻ xấu, chơi như mật chết ruồi.  
Người tốt bền chí thức thời,  
Khó khăn thuận lợi vẫn nuôi chí bền.  
Kẻ xấu thường van xin lúc khó,  
Được việc rồi thì nó quên luôn.

Mới hay muôn sự vui buồn  
Những điều chí thiện phải luôn ghi lòng.

Cháy nhà có nước liền dễ chữa,  
Láng giếng cần giúp đỡ lẫn nhau.  
Tình đời lắm chuyện thương đau,  
Anh em để mắt lòng nhau thật buồn.  
Người xưa bảo: thói quen thường vẫn vậy,  
Đàn bà thì khó dạy khó chiều.  
Quân tử phép chẳng cần theo,  
Tiểu nhân chẳng chấp những điều lễ nghi.

Thấy ai có vật gì quý giá,  
Chớ lân la tán gạ, nài xin.  
Công việc nào quá khó khăn,  
Đừng buộc người khác phải lặn vào làm.  
Muốn trách người, phải xem mình trước.  
Nếu tha mình, tha được người ta.  
Đứa bất chính, kẻ gian tà,  
Kết thân với chúng dễ mà tàn thân.  
Không mình bạch miếng ăn lời nói,  
Là nguyên nhân cái tội hại mình.  
Lúc trẻ lao động nhiệt tình,  
Khi già cuộc sống gia đình thanh thoi.  
Trẻ mà lêu lổng chơi bời,  
Về già chắc hẳn cuộc đời gian truân.

Của cho con đâu cần vàng ngọc  
Mà cho con được học được hành.

Giàu sang, khách đến thăm nhiều,  
Nghèo hèn, thân thích ra chiều cách ly.

Lúc dư dật, phòng khi túng thiếu,  
Khi sướng vui, phải liệu khi buồn.  
Một nhà nề nếp cương thường,  
Cha từ, con thảo, đẹp gương vợ chồng.  
Tình anh em: thuận lòng nhân ái,  
Nghĩa bạn bè qua lại giúp nhau.  
Người con phòng lúc ốm đau.  
Chứa thóc phòng đói là câu chí tình.  
Giúp người gặp cảnh tình nguy cấp,  
Hoặc cứu người trong lúc gian nguy.  
Có mới đừng nói cũ đi,  
Tiếng nói một nẻo, bụng suy một đàng.(2)  
Chớ có lãnh bắt vành ra méo,  
Đừng làm cho bé xé ra to.  
Một chút tà tất quanh co,  
Người ta sẽ tỏ các trò quắt quay.  
Lời không cánh mà bay khắp ngã,  
Đạo đức cao thì gốc cả, rễ sâu.(3)  
Ngọc vết mài chẳng khó đâu,  
Nói sai, biết sửa bao lâu mới lành.  
Lời đã nói bay nhanh hơn gió,  
Bốn ngựa phi cũng khó đuổi theo.(4)  
Khinh người là thói tự kiêu,  
Người ta khinh lại, đời nào chịu thua.  
Tự khen mình mà chê người hồng,  
Thì người ta có trọng gì mình.  
Hãy suy Thiện-Ác, Nhục-Vinh  
Ở sao có nghĩa có tình thì hơn.  
Việc gia thất muốn yên mọi sự  
Mỗi người nên biết xử phận mình  
Đừng mưu lấy của bất minh  
Chớ ghen ghét với người mình còn thua.  
Vợ người ta chớ đùa cợt nhả,  
Đừng gièm pha quấy phá hôn nhân.  
Một năm có một mùa xuân,  
Mỗi ngày chỉ một giờ dần đầu tiên.(5)

Cho muôn khoảnh ruộng tốt xanh,  
Chẳng bằng cho chúng nghề lành trong tay.  
Mộng làm giàu thường hay thất đức,  
Làm điều nhân khó được giàu sang.  
Thuốc hay khó chữa bệnh oan,  
Của nhặt được khó mở mang giàu bền.

Bất nghĩa mà trở nên phú quý,  
Như mây bay bọt khí nổi trôi.  
Phúc do trong sạch lòng người,  
Đức từ kiên nhẫn sống đời yêu thương.  
Tham lam lắm tất vương tai họa,  
Sống bất nhân tội chẳng thoát đâu.  
Tiểu nhân chẳng giúp ai đâu,  
Bởi trong lòng họ, như đầu mũi kim.  
Chỉ gai góc rấp tìm mưu kế,  
Cốt hại người để mong lợi mình.  
Người quân tử có bất bình,  
Liệu mà xa lánh, kéo sinh hận thù.  
Tình người khác chi tờ giấy trắng,  
Như cuộc cờ vốn chẳng giống nhau.(6)  
Khéo mà ứng xử với nhau,  
Đừng làm ai đó phải chau đôi mày,  
Chớ mặt sát dạy tay mắt miệng,  
Để người ta phải nghiêng hàm răng.  
Ngựa gầy nên kém chạy hăng,  
Người không hồ hởi phải chảng vì nghèo.

Sẵn tiền, rượu thì nhiều bạn đầy,  
Lúc lâm nguy nào thấy một ai.  
Luật trời báo ứng chẳng sai,  
Không trước mắt, cung lâu dài chứng minh.

- (1) Câu này nguyên chữ Hán là: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân"
- (2) Nguyên chữ Hán là: "Vật đắc tồn nhi vong cổ ,Vật khẩu thị nhi tâm phi"
- (3) Nguyên chữ Hán là: "Đạo hữu căn viễn cổ, Ngôn vô dục trường phi"
- (4) Nguyên chữ Hán là: "Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy"
- (5) Nguyên chữ Hán là: "Nhất niên tri kế tại ư xuân ,Nhất nhật ư kế tại ư dân", Ý nghĩa răn dạy phải có kế hoạch tốt ngay tại thời điểm khởi đầu của một năm một ngày
- (6) Nguyên chữ Hán là: "Nhân tình tự chi, trương trương bạch ,Thế sự như kỳ, cục cục tân"

### 8.Tích thiện

Bài thứ bảy khuyên luôn tích thiện,  
 Chứa điều lành như mặt trời lên.  
 Rất vô tư, rất tự nhiên,  
 Sáng soi muôn nẻo chẳng phiền đến ai.  
 Chứa điều ác là tai họa đầy,  
 Lửa trên đầu nào thấy mà lo.  
 Chuyện ác dù chẳng nói to,  
 Trên trời rung động tự hồ sấm vang.  
 Việc mờ ám tưởng không ai biết,  
 Nhưng mắt thần như điện sáng soi. (1)  
 Giàu sang đúng phận thì thôi,  
 Nghèo hèn xử sự đúng môi trường nghèo.(2)  
 Suy từ ta ra nhiều người khác,  
 Khoe điều lành, điều ác giấu đi.  
 Thấy ai làm ác điều gì,  
 Khéo can ngăn, hoặc ngoảnh đi chớ nhìn.  
 Chuyện người khác không đem đàm tiếu,  
 Mặc người ta, mạnh, yếu, giở, hay.  
 Nói nhiều nghe cũng chán chầy,  
 Khuyên nhiều sinh oán, bấy nay lẽ thường

Khi yêu cũng nên lường lúc ghét,  
 Lúc ghét nên nhớ đến khi yêu.  
 Việc làm, lời nói, ít nhiều,  
 Phải nên hướng thiện, phải theo phận mình.

.....

- (1) Nguyên chữ Hán là: "Nhân gian tục ngữ,Thiên văn nhược lời;ám thát khi tâm thần mục như điện"
- (2) Nguyên chữ Hán là: "Tố phú quý hành hồ phú quý. Tố bần tiện hành hồ bần tiện"

## 9. An phận

Giữ yên phận là bài thứ tám  
Đừng để người đụng chạm đến ta  
Biết lo tính, biết phòng xa,  
Khoan dung ngay thẳng hẳn là sống lâu.

Nước chân chính, lòng trời cũng thuận,  
Quan thanh liêm dân hẳn yên lòng  
Vợ hiền là phúc nhà chồng,  
Các con hiếu thảo thì lòng cha yên.

Dẫu có tài giỏi chớ nên khoe khoang,  
Nhiều sự sao bằng được an nhàn.  
Bốn mùa ẩm lạnh xuềnh xoàng,  
Nói năng thận trọng rõ ràng được yên.  
Cửa dễ được tắt nhiên dễ mất,  
Được vất vả thì mất khó khăn.  
Làm thông thả việc chắc ăn  
Việc đời muốn sự khó khăn ban đầu.  
Người xưa nói những câu triết lý:  
Vào núi bắt hổ dễ như chơi,  
Còn khi mở miệng dạy người,  
Khó khăn nhiều lắm, liệu lời đả đo.  
Quân tử cần ăn no uống đủ,  
Không cầu kỳ cốt giữ bình yên.  
Trò tìm thầy học dễ tìm,  
Thầy tìm trò tựa mò kim đáy hồ.

Việc chia chác chẳng lo ít ỏi,  
Chỉ đáng lo cái tội không đều.<sup>(1)</sup>  
Không lo hoàn cảnh túng nghèo,  
Chỉ lo xã hội nhiều điều bất công.  
Quá nham hiểm bởi lòng tham lắm.  
Quá nhấn tâm lòng hẳn quá tàn.

.....  
- (1) Nguyên chữ Hán là: "Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân ,Bất hoạn bản, nhi hoạn bất an"

## 10. Đại đạo

Giữ đại đạo là bài thứ chín,  
Lấy chữ "Trung" chữ "Tin" làm đầu.  
Người quân tử đạo đức cao,  
Không kiêu thái, giữ trước sau chan hòa.  
Khi cần giúp người ta việc gấp,  
Chẳng chọn ngày, đừng bấm ngón tay.  
Người được ta cũng mừng thay,  
Người đau, thông cảm đấng cay cho người.  
Nói thao thao ngàn lời tươm tất,  
Cũng không bằng việc thật đã làm.  
Kiếm lời chê trách nhân gian,  
Chính là chuốc lấy mối oan hại mình.  
Ta giúp người chân tình độ lượng,  
Là góp điều làm phước đáng tin.  
Trăm nghe không bằng một nhìn,  
Một việc thực tế hơn nghìn lời suông.

Việc trời đất cũng thường thay đổi,  
Sáng gió mưa, chiều đã đẹp trời.  
Giống như cuộc sống một con người  
Sáng chiều, may rủi đầy vui chuyển vần.  
Có việc đối với ta như thế  
Nhưng với người đâu dễ giống ta  
Khi lời nói trái phát ra,  
Tất nhiên cái họa cũng sà vào theo.  
Của phi nghĩa đưa vào cửa trước,  
Nó cũng tìm đường bước lối sau.  
Đừng làm những chuyện không đầu  
Chớ tham của lạ để sau bận lòng  
Việc đừng quá lao tâm cật lực,  
Nên đả đo vừa sức thì làm,  
Không lười biếng chẳng tham lam  
Học điều Đại đạo – để làm thực tâm.

### 11.Độc thư

Bài thứ mười khuyên cần đọc sách,  
Sách là thầy dạy mách cho ta.  
Bao điều đạo lý sâu xa,  
Văn minh khoa học bao la đất trời.  
Ham đọc sách thì trời chẳng phụ.  
Có chí bền ắt sẽ làm nên. (1)

Mẹ cha vui bởi con hiền,  
Gia đình hòa thuận đẹp yên mọi phần  
Đạo đức cao, quý thần nề sợ,  
Được mọi người giúp đỡ tin yêu.  
Thấy việc thiện hãy làm theo,  
Biết lỗi sửa lỗi là điều đáng khen

.....

- (1) Chú thích: Có chí bền ắt sẽ làm nên. Nguyên chữ Hán là: "Độc thư thiên bất phụ ,Hữu chí sự cảnh thành"

- (2) Nguyên chữ Hán là:

"Dục tất bất đạt,  
Kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành"

Cách đối xử phải nên suy xét,  
Đừng cạn tình trái nết – mất lòng.  
Muốn nhanh vội việc khó xong,  
Ham lợi nhỏ việc lớn không hoàn thành.(2)

Tre uốn mạnh chẳng vênh cũng gãy,  
Chó cắn càn bởi thấy cùng đường.  
Đánh chuông chuông tất kêu vang,  
Người quá uất ức sẵn sàng đấu tranh.  
Chớ nên hám lợi hám danh,  
Ít ham muốn mới yên lành bền lâu.

### 12.Do mệnh

Bài mười một dạy câu số mệnh  
Mọi điều đều do tiền định cả rồi.  
Giàu sang cũng bởi tại trời,  
Công danh có mệnh, có thời dở hay.  
Đồ ăn uống xưa nay sản xuất.  
Cũng đều do trời đất khởi sinh.  
Người khôn làm đúng phận mình,  
Tiểu nhân mạo hiểm hiểu danh, khoe tài.

Nói thẳng thường trái tai chẳng thích,  
Hãy xét suy, có ích hãy làm.  
Ở đời lắm thói đa đoan,  
Thuốc đắng giả tật, thế gian tỏ tường.  
Thấy người tốt chớ nên xem thường,  
Hãy nghiêm suy ngắm tìm đường mà theo.

### 13.Thành sự

Bài mười hai lo toan sự nghiệp  
Muốn thành công phải biết lo xa.  
Mưu sự là ở người ta,  
Thành công tốt đẹp suy ra tại trời.  
Có trường hợp ở nơi nguy bại,  
Được trời phù nên lại thắng to.  
Hoặc khi tai nạn gay go,  
Gặp may lại được trời cho an toàn.

Không thuốc nào chữa bệnh khanh tướng thọ,  
Có tiền đâu mua được con hiền.  
Vợ ngoan chồng chẳng ưu phiền,  
Có con hiểu thảo cha yên cõi lòng.

Có đức mà nghèo hèn cơ cực,  
Hẳn là do nghiệp chướng từ lâu.  
Bất lương mà được giàu sang,  
Chắc là kiếp trước bắc cầu thiên duyên.

Bởi uống say, nói không tử tế,  
Vi tiền tài, huynh đệ từ nhau.  
Nên xuống ngựa lúc qua cầu,  
Có đường bộ chớ rủ nhau đi thuyền.  
Áo trắng thì bụi đen dễ dính,  
Khó an toàn bởi tính kiêu căng.

Lòng người hiểm hơn núi rừng,  
Hãy suy luận, để coi chừng đó nghe.

Nếu phận nghèo thì nên nghèo trước,  
Chớ dă tâm, bạo ngược khởi đầu.  
Biết mệnh là bởi hiểu sâu,  
Sống yên vô sự khác nào thần tiên.

“Bọ ngựa bắt con ve tưởng bỏ  
Sẽ lại rình bọ ngựa kè bên;  
Người sẵn tặng sẽ mũi tên;  
Hổ lang rình sẵn xông lên vồ người.

Muốn sống lâu phải rèn luyện tốt,  
Từ lao động ăn uống thuốc men...  
Giữ gìn chừng mực cho quen,..  
Một ngày vui khoẻ là tiên một ngày.

Hổ đắc ý lên rồi định biến,  
Ngờ đâu xa xuống giếng mạng toi!  
Mới hay mạnh yếu ở đời,  
Nhân tiền báo ứng rạch rời phân minh”

#### 14. Trí giả

Bài mười ba dạy điều trí giả.  
Bậc trí giả trọng mình hơn hết,  
Bởi học nhiều hiểu biết càng  
sâu.  
Chẳng cần đấu lý với nhau,  
Chẳng cần đấu lực, đối đầu với  
ai.

Giữ danh dự trong ngoài kính  
nể,  
Bảo vệ cho thân thể an toàn  
Biết tự kiềm chế thì yên.  
Không bị nhục cũng chẳng  
phiền đến thân.

Có những chuyện người trần  
khó biết,  
Mà trời cao nghe thấy mọi điều.  
Bảo rằng lỗi nhỏ chẳng sao,  
Nhiều lỗi góp lại lớn lao khó  
lường.

Một mình chớ đi đường nguy hiểm,  
Thuyền chớ tham sinh chuyện đắm đò.  
Chuyện người ta chớ tò mò,  
Có trách thì trách lỗi to của người.  
Thù oán cũ thì thôi quên tuột  
Trước khoan hòa sau được điều hay.  
Yêu đừng yêu quá đắm say.  
Ghét đừng ghét đấng ghét cay sinh thù.

Có người chẳng được như ý muốn,  
Nên bảo ban đại lượng thì hơn.  
Trọng danh tiết như Thái sơn,  
Người không thì chẳng giản đơn việc nào.  
Giàu sang chẳng tự cao cậy thế,  
Nghèo hèn không luồn lụy cúi đầu.  
Kẻ vụng chẳng thấy việc đâu.  
Người khéo thì việc bù đầu, luôn tay.  
Bậc trí giả trước đây đúc kết  
Ta nên tìm học biết mà theo  
Luật ông Tiêu Hà dạy sáu điều  
Lễ, ông Phu Tử cũng nêu ba phần.

#### 15. Minh châu

Ngọc Minh châu là thiên mười bốn  
Ngợi ca đức khiêm tốn sáng trong.  
Ngọc là vật quý vô cùng,  
Minh châu nổi sáng trong vùng tối tăm.  
Ngọc muốn đẹp phải năng mài giũa,  
Cổ nâng niu gìn giữ kéo hoài.  
Trời cho ta tám hình hài,  
Phải lo tự giác mà bồi bổ thêm.

Con hay, cha chớ nên khen,  
Cha mắc lỗi, con chớ nên nói nhiều.

Thành công chẳng được tự kiêu,  
Hưởng phúc, càng phải biết điều đừng tham.(1)

.....  
- (1) Nguyên chữ Hán là: "Thành công bất dĩ tự căng, Thụ phúc khả thái hoá"

### 16. Học vấn

Bài mười lăm răn đường học hỏi.  
Có tư duy mạnh giỏi hơn người.  
Trước là đẹp đạo đất trời,  
Sau là xây dựng tình người đẹp hơn.

Hiếu với cha thời con hiếu lại,  
Kính trọng người người lại trọng ta.  
Chớ tin những thuyết tà ma,  
Nó làm chìm đắm xấu xa lòng người.

Người xưa bảo tiền tài – phẩn đất,  
Nghĩa nhân kia mới thật là ngàn vàng.  
Đường dài thử sức gian nan,  
Sống lâu mới biết ruột gan tình người.  
Biết giữ phận thì đời nhân hạ,  
Không gian tham tai họa khó vào.  
Vận đen vàng hóa ra thau,  
Vận đỏ sắt cũng ra màu vàng tươi.  
Rượu trắng nhuộm đỏ mặt người  
Bạc vàng để nhuộm lòng người tối đen.(1)

.....

- (1) Nguyên chữ Hán là: "Bạch tửu hồng nhân diện, Hoàng kim hắc thể tâm"

Nghèo giữa chợ ai thèm thăm hỏi,  
Giàu trên rừng có khối người thương.  
Vẽ hổ khó vẽ bộ xương,  
Biết người biết mặt khó lường lòng ai.  
Không đáng sợ sức hai con hổ,  
Chỉ sợ người ăn ở hai mang  
Sống đại lượng phúc huy hoàng.  
Mưu sâu tai họa ắt càng thêm sâu.  
Vợ chồng hiệp sức nhau bàn bạc,  
Có tiền mua nhiều lạng vàng dòng.  
Vợ chồng ăn ở khác lòng  
Có tiền đâu để sắm cùng cái kim

Trị nhà như cầm cương ngựa dữ,  
Trị nước như đạo thử cung đàn.  
Cho nên học hiểu và làm,  
Lễ trời với lễ dân gian hài hòa,  
Muốn xây phú quý vinh hoa,  
Cái nền học vấn phải là đầu tiên.

### 17. Tu đức

Bài mười sáu thường xuyên tu đức,  
Phải chuyên tâm nỗ lực hàng ngày.  
Học rồi thực tế làm ngay,  
Rút ra kinh nghiệm dở hay sự tình.  
Tu đức tốt tướng sinh ra tướng,  
Con thảo hiền sinh được cháu ngoan.  
Nhà nghèo nhờ vợ đảm đang,  
Nước loạn cầu tướng giỏi giang, trung thành.  
  
Âm dương hòa không sinh lụt bão,  
Vợ chồng hòa thì đạo nhà nên.  
Tránh điều nghi kỵ hờn ghen,

Bốn đức tính Công, Dung, Ngôn, Hạnh,  
Người đàn bà gánh nặng lo toan.  
Đừng kiêu sa, chớ lăng loàn,  
Đừng ghen ghét chớ giận hờn với ai.  
Gái yêu chồng đẹp vui mọi vẻ,  
Giúp chồng nuôi con khỏe con ngoan.  
Dựng xây tôn thống họ hàng,  
Sáng trong như ngọc, nét càng đẹp ra.  
Khi lòng dục dâm tà đã mở,  
Quên yêu thương bỏ cả lễ nghi.  
Nết hư dù chỉ một ly,  
Tiếng tăm đồn đại bay đi khắp vùng.

Đàn bà tiếp khách phải nên nhớ rằng:  
Cử chỉ đẹp, nói nhẹ nhàng,  
Khi đưa tiễn khách xin đừng quá chân.

### 18.Cát nhân

Rèn người tốt là chương mười bảy,  
Sống nhân từ ai nấy mến thương.  
Trời cho Phúc, Lộc, Thọ trường,  
Sống vui thanh thân đời thường gặp may.

Cha dạy con từ khi còn nhỏ,  
Chồng khuyên vợ từ khi mới về.  
Không quá vui đến đam mê.  
Bài bạc, nghiện hút, rượu chè, gian dâm.

Tình dục chớ tham lam buông thả,  
Sức suy tàn rệu rã, ai thương.  
Của quý chớ có phô trương,  
Bạc vàng phải khóa trong dương trong hòm.

Buồng the chớ để ai nhòm  
Của còn nguyên vẹn, tình còn dài lâu.

### 19.Lương tài

Bài mười tám răn chữ lương tài  
Lương là đạo cao đức trọng  
Có lương tài chết sống thơm danh.  
Người tài lành có bạn lành,  
Người ác bạn ác kết thành tai ương.  
Người lương tài nên thường nói thẳng,  
Kẻ xấu xảo nịnh chẳng thương yêu.  
Người lành nói ít làm nhiều,  
Tiểu nhân múa mép, lăm điều ba hoa.

Người lành không gian tà uẩn khúc,  
Hành động luôn chính trực, phân minh.  
Kiệm cần có lý có tình,  
Để không mang tiếng rằng mình kiêu sa.  
Vụng may áo gấm cũng hồng,  
Làm bậy thì phá hồng cơ ngơi.  
Biết ít thì sống thanh thoi,  
Biết nhiều lăm chồn, lăm điều thị phi.

Người giúp việc cần chi đẹp xấu,  
Cần chọn người trung hậu, chăm ngoan.  
Lòng người, nọc rắn khó phân,  
Mặt trời ai biết chuyển vần như xe.

Cửa xóm Đông lấy về hôm trước,  
Đến hôm sau nó ngược xóm Đoài  
Việc hôm nay, việc ngày mai.  
Hãy đem hai chữ Lương Tài mà xem.

### 20.Lập thân

Bài mười chín dạy đạo lập thân.  
Đạo lập thân muốn bền muốn vững,  
Phải khôn ngoan trong cứng ngoài mềm,  
Phúc nhà thuận dưới kính trên,

Kiệm cần kiên nhẫn là nền trị gia,  
Làm quan phải giỏi và liêm khiết,  
Cần trọng luôn và biết thương dân.

Mới hay bí quyết lập thân,  
Kiên trì: Liêm chính kiệm cần thì nên.

## 21. Thịnh đức

Bài hai mươi là thiên thịnh đức  
Một số điều đã được rút ra.  
Người thực tài chẳng ba hoa,  
Thường khi dung mạo cứ là như ngậy.

Có ruộng không cấy cây thì đối,  
Có sách không học hỏi thì ngu.  
Trai không dạy, khác chi lừa,  
Gái ngu thì cũng giống như lợn sề.

Trai sợ vợ bởi vì nhu nhược,  
Gái kính chồng vì được nét ngoan.  
Phải dè xén bởi thiếu ăn,  
Sống xa xỉ bởi nguyên nhân của thừa.

Vừa lười nhác, lại vừa ngu xuẩn,  
Thì giàu sang đâu đến mà mơ.  
Hay đến thân cũng thành sơ,  
Ngồi dai chủ chẳng bao giờ thích đâu.

Uống rượu đấu khẩu nhau ít chữ,  
Mới là người quân tử phòng thân.  
Thóc tiền sông phẳng đồng cân,  
Mới là đức độ, tinh thần trượng phu.

## 22. Hiếu hoàn

Bài hai mươi mốt hai chữ hiếu hoàn.  
Hiếu hoàn luật xoay vần vay trả,  
Báo ứng nhanh gương đã nhiều rồi.  
Nhặt nòng khéo ở lòng người,  
Dở hay đã có đạo trời phân minh.

Trời mưa gió thành linh bất chắc,  
Người có khi dồn dập tai ương.  
Có đức dễ được thọ trường,  
Tu nhân tích đức, phúc thường dày thêm.  
Lừa dối người là mầm tai họa,  
Phúc dày nhờ lượng cả bao dung.  
Cẩn thận chẳng sợ khổ cùng,  
Nhẫn thì chẳng nhục, vạ không đến mình. (1)

Con cá bị giết lên bờ  
Có hối cũng chẳng bao giờ được tha.  
Làm việc xấu đã sa pháp luật,  
Hối ba lần cũng thật muộn màng.  
Nước loạn chớ đến dung thân  
Nơi nguy hiểm chớ bước chân lần vào.  
Phép quyền biến làm sao biết trước,  
Phải đắn đo mong được an toàn,  
Lò lừa ví như phép quan,  
Lòng người như sắt như gang trong lò

Người yếu phải nương nhờ người mạnh,  
Giúp được người là hạnh phúc thay,  
Không thù dai chẳng hại ai,  
Tuy nhiên vẫn phải nhớ bài phòng thân.

Trên lượng cả, chẳng cần phạt dưới,  
Kẻ trịch thượng từ chối đừng chơi.  
Nước trong ít cá lội bơi,  
Sống nhiều khe khát, ít người mến thân.

Dạy con cháu bằng điều từ thiện,  
Lấy khoan dung điều khiển người theo.  
Một năm kế hoạch ăn tiêu,  
Không gì bằng cấy trồng nhiều lúa khoai (3)  
Kế mười năm dài hơn một chút,  
Không gì bằng trồng được nhiều cây.  
Còn như kế hoạch lâu dài,  
Là trồng cây đức dẻo dai liền liền.  
Dù lắm tiền thuốc men tắm bổ,  
Chẳng bằng đêm nằm ngủ riêng giường.  
Dạy con lần mở văn chương,  
Ở trong vùng bạc kim cương có thừa.

Một con được ơn vua lộc nước,  
Để cả nhà cũng được thơm lây.  
Siêng năng học tập đêm ngày,

Sống bình tĩnh được yên lành mãi  
Biết kiệm cần đỡ phải reo neo.  
Trên sông tùy khúc bơi chèo,  
Vào nhà tùy lúc liệu chiều tuân theo.(2)

Để mà chiêm nghiệm lời này khuyên răn.  
Việc đúng cứ tiến hành đừng sợ,  
Trời sẽ cho phúc ở tầm tay  
Lấy điều đạo lý xưa nay,  
Truyền cho con cháu đời này đời sau.

- .....
- (1) Nguyên chữ Hán là: "Khi nhân thị hoạ, Nhiều nhân thị phúc, Cẩn tắc vô ưu, Nhẫn tắc vô nhục"
  - (2) Nguyên chữ Hán là: "Bình tĩnh thường an, nhã kiệm thường túc ,Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục"
  - (3) Nguyên chữ Hán đoạn sáu câu này là: "Nhất niên kế mạc như chủng cốc. Thập niên chi kế mạc như chủng mộc ,Của viễn chi kế mạc như chủng đức"

### 23.Năng tĩnh

Bài hai mươi hai dạy người điều năng tĩnh.  
Biết đấn đo sống hẳn yên lành.  
Biết suy nghĩ việc dễ thành,  
Cầu đâu được đấy vui lành biết bao.

Khi sống biết lo sau tính trước.  
Lúc lâm chung hẳn được yên lành.  
Tuổi già lắm bệnh phát sinh,  
Đều do lúc trẻ tự mình làm ra.

Lúc thịnh đạt gian tà trái đạo,  
Khi tuổi già quạ báo coi chừng!  
Sợ thay "Đốm lửa thiêu rừng",  
Nửa câu nói trái, sau đừng khoe khôn.(1)

Biết điều thiện ôn tồn nhắc bạn,  
Chỉ nơi nguy cho người khách lánh xa.  
Khi lòng hiểm độc gian tà,  
Niệm kính gõ mõ quả là vô duyên.  
Đem bố thí bằng tiền bất chính,  
Cũng chỉ là vô ích mà thôi.  
Chỉ một hành động xấu chơi,  
Nói khôn nói khéo, ai người còn tin.

Sống thừa mứa bạc tiền nhưng lựa,  
Chắc đâu bằng sống đủ mà vui.  
Gần mực thì ắt phải đen thui  
Gần sơn thì đỏ sự đời chẳng sai.

- .....
- (1) Nguyên chữ Hán là:  
"Nhất tinh chi hoạ năng thiêu vạn lý chi sơn.  
Bán cũ chi ngôn ngộ Tồn bình sinh chi đức"

Gần người ngu biến hay thành dốt,  
Gần người hiền càng tốt thêm ra.  
Người quân tử đức nở hoa,  
Tiểu nhân tìm cách xấu xa học đòi.  
Ngẫm xem muôn sự ở đời,  
Ác thì gặp ác, nhân thời gặp nhân.  
Con ngựa cùng, vung chân đập phá,  
Chim cùng đường, liều mổ đòi bay,  
Thú cũng muốn xông chạy dài,  
Bản năng tự vệ muôn loài bẩm sinh.

Người giả dối thì đừng bắt chuyện,  
Gái lăng lơ thì biến cho xa.  
Những người ngay thẳng hiền hoà,  
Kiên tâm gần gũi để mà học theo.

Kẻ nghiện ngập lêu têu, hợm hĩnh.  
Hãy coi chừng! Cố tránh đừng chơi.  
Mới hay hậu bạc ở đời  
Trắng, đen cũng bởi lòng người mà ra.

## 24. Thư tắt

Bài hai mươi ba là bài thư tắt  
Sách Bạch Vân kết luận dạy rằng:  
Muôn việc khởi tự cái Tâm,  
Nếu lòng buông thả, lỗi lầm đến ngay.

Học điều hay tỏ bài chân lý  
Bảo tồn Chân-Thiện-Mỹ sáng trong  
Thánh nhân trợ giúp bao dung,  
Tiến-lui, còn-mất mới mong tinh tường.

Không để mất kỷ cương chính đạo,  
Lời thánh hiền dạy bảo thiêng liêng:  
Hiếu-Trung-Cần-Kiệm-Chính-Liêm  
Xa gần kính trọng, dưới trên thuận hòa.  
Sự kính nhường coi là cái gốc,  
Lấy học hành tri thức nâng lên.  
Chân thành học hỏi thường xuyên,  
Muốn tu cái đức phải nghiêm với mình.  
Những điều giáo huấn anh minh,  
Thành tâm bái phục, ân tình chẳng quên.

## Phần III. Bạch Vân am thi tập

### 1. Cự ngao đới sơn

Bích tằm tiên sơn triệt để thanh,  
Cự ngao đới đặc ngọc hồ sinh.  
Đáo đầu thạch hữu bổ thiên  
lực(1),  
Trước cước trào vô quyền địa  
thanh.  
Vạn lý Đông minh quy bả ác,  
Ức niên Nam cực điện long  
bình.  
Ngã kim dục triển phù nguy lực,  
Vấn khước quan hà cự đế  
thành.

**Con ngao lớn đội núi** (Người dịch: Đinh Gia Khánh)  
Non tiên ngâm tằm nước trong xanh,  
Bầu ngọc đới nên, ngao lớn sinh.  
Đầu ngọc, vá trời còn sức đá,  
Chân đũa, lạng sóng chẳng âm thanh.  
Biển Đông, vạn dặm quơ tay nắm,  
Nam cực, muôn năm vững trụ bình.  
Ta muốn phù nguy ra sức giúp,  
Quan hà thu lại cự đế kinh thành.

### Dịch nghĩa

Nước biếc ngâm núi tiên trong đến đáy,  
Như con ngao lớn đội được bầu ngọc mà sinh ra.  
Ngôi đầu lên, đá có sức vá trời,  
Đặt chân xuống, sóng không có tiếng cuốn đất.

Vạn dặm biển Đông quơ vào tay nắm,  
Ức năm cõi Nam đặt vững cảnh trị bình.  
Ta nay muốn thi thố sức phò nguy,  
Cứu vãn lại quan hà, thành cũ của nhà vua

Sách Liệt tử, trong thiên Thang vấn có chép rằng ở biển Bột Hải có năm ngọn núi, chân núi không dính vào đâu cả, núi cứ theo nước thủy triều mà lên và xuống lênh đênh trên mặt biển. Thượng đế sợ các ngọn núi ấy trôi về Tây cực bèn sai con ngao thần rất lớn lấy đầu đội và từ đó năm ngọn núi ấy mới đứng vững ở một chỗ.

.....

- (1) Chú thích: Đáo đầu thạch hữu bồ thiên lục

Theo Sử ký bổ (Tam hoàng bản kỷ) thì thời Thượng cổ, hai vị thần là Cung Công và Chúc Dung đánh nhau. Đánh mãi không thắng nổi thần Chúc Dung cho nên thần Cung Công nổi giận, lấy đầu húc núi Bất Chu, làm đổ núi ấy khiến cho cột chống trời bị gãy. Nữ thần Nữ Oa, chặt bốn chân con ngao thần làm bốn cực chống cho trời khỏi sụt xuống.

## 2. Du Phổ Minh tự

**Chơi chùa Phổ Minh** (Người dịch: Hữu Thế)

Loạn hậu trùng tầm đáo Phổ Minh,	Sau loạn lại tìm đến Phổ Minh,
Viên hoa dã thảo cựu nham quynh.	Chùa xưa đá cũ cỏ hoa xanh.
Bi văn lạc hoà yên bích,	Văn bia tàn hồng mờ trong khói,
Phật nhãn thê lương chiếu dạ thanh.	Mắt Phật lạnh lùng soi thấu canh.
Pháp giới(1) ững đồng thiên quảng	Giới pháp phải ngang trời rộng lớn,
đại,	Người làng vẫn nói đất anh linh.
Hương nhân do thuyết địa anh linh.	Vắng không, cổ đỉnh, rày đâu tá!
Liêu liêu cổ đỉnh kim hà tại (2),	Mới biết vô hình thắng hữu hình.
Thức đắc vô hình thắng hữu hình(3).	

## Dịch nghĩa

Sau khi loạn lạc lại tìm đến chùa Phổ Minh,  
Vườn hoa vườn cỏ nội với cửa đá cũ.  
Văn bia mờ nhạt hoà trong làn khói biếc,  
Mắt Phật lạnh lùng soi thấu đêm thanh.  
Pháp giới phải ngang với tầm rộng lớn của trời,  
Người làng vẫn nói đến sự anh linh của đất.  
Vắng vẻ lặng lẽ, vạc xưa nay còn đâu?  
Thế mới biết vô hình vẫn thắng hữu hình.

Chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, nay thuộc xã Lộc Vượng, huyện Mỹ Lộc, Nam Định. Chùa được xây dựng từ thời Trần, trong đó có vạc Phổ Minh nổi tiếng. Vạc đã bị quân xâm lược Minh phá làm sủng đạn năm 1426, khi bị nghĩa quân Lam Sơn bao vây.

.....

- (1) Là thể giới tinh thần, có lý pháp giới (bản thể) và sự pháp giới (hiện tượng) hai cái pháp giới này có quan hệ mật thiết với nhau: "Lý sự vô ngoại", theo tông Hoa nghiêm trong Phật giáo.

- (2) Vạc xưa nay còn đâu? Chỉ vạc Phổ Minh bị giặc Minh phá hoại

- (3) Cái không có hình tượng cụ thể thì thắng cái có hình tượng cụ thể. Nhân văn cảnh chùa xưa, suy nghĩ về giáo lý đức Phật, rồi lại liên hệ với vạc xưa, một vật hữu hình nay không còn, mà tác giả đã đề cập tới quan niệm lý Phật giáo.

### 3. Hạ cảnh

Nhật trường Tân quán tiểu song  
minh,  
Phong nạp hà hương viễn ích  
thanh.  
Vô hạn ngâm tình thủy hội đắc,  
Tịch dương lâu thượng văn thiên  
thanh.

**Cảnh mùa hè** (Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Trung Tân, cửa nhỏ, sáng ngày trường,  
Gió đượm mùi sen, xa ngát hương.  
Vô hạn tình thơ, ai kẻ hiểu,  
Lầu cao, chiều xế, tiếng ve vang

### Dịch nghĩa

Ngày dài ở quán Trung Tân cửa sổ nhỏ sáng sủa,  
Gió đượm hương sen, càng xa càng mát.  
Tình thơ vô hạn, ai là người hiểu được,  
Chiều tà, trên lầu, tiếng ve muện màng vang lên.

### 4. Khuê tình

Ngâm lạc Tây phong trận trận xuy,  
Thâm khuê nhi nữ độc miên thì.  
Hốt văn hàn khí xâm liêm mạc,  
Thuỷ giác nhân tình hữu biệt ly.  
Khứ mộng bất từ sa tái viễn,  
U hoài hoạt động cổ bề ti.  
Vô đoan điểm trích giai tiền vũ,

### Nỗi lòng ở chốn phòng khuê

(Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Buông tiếng ngâm theo gió Tây,  
Phòng khuê thiếu phụ ngủ đang say.  
Chợt nghe rèm màn thấm hơi lạnh,  
Mới hiểu biệt ly là thế đây.  
Sa tái mộng bay lòng chẳng ngại,  
Cổ bề tiếng dội dạ tràn đầy.  
Tí tách trước thềm mưa chợt gõ,

Tự hữu u nhân ngữ dạ trì.

Như ai thủ thi buồn canh chày.

### Dịch nghĩa

Tiếng ngâm buông xuống theo gió Tây thổi từng trận,  
Ở chốn thâm khuê khi người thiếu phụ ngủ một mình.  
Bỗng nghe hơi lạnh thấm vào rèm màn,  
Mới biết tình người có nỗi biệt ly.  
Mơ mộng ra đi, chẳng nề nơi quan ải sa trường diệu vợi,  
U uất trong lòng dấy lên tiếng trống ở ngoài trận.  
Bỗng đâu tí tách giọt mưa ở trước thềm,  
Như có người mang niềm u uất thủ thi trong đêm dài.

### 5. Nguyên Đán thuật ho ài

#### Tò nổi lòng trong dịp Nguyên Đán

(Người dịch: Hữu Thế)

Kim ngã hành niên lục thập chi,  
Lão lai khước dữ bệnh tương kỳ.  
Tích xuân cưỡng khuyến sở bôi tửu,  
Ưu quốc hưu ngôn lưỡng mấn ti.  
Chức nhậm bất cần ta lẫn phụ,  
Gia đình vô giáo tiểu si nhi.  
Nhân trung liêu ngụ nhân trung thú,  
Khởi vị phùng nhân thuyết lãng thi.

Tuổi đời ta đã sáu mươi niên,  
Tật bệnh theo già hện đến bên.  
Lo nước chớ than đầu đã bạc,  
Tiệc xuân gượng chuốc rượu vài phen.  
Nếp nhà chẳng dạy, cười con dại,  
Canh cử, không siêng, hỏ vợ hèn.  
Hãy gửi thú nhàn vào cảnh rỗi,  
Gặp người, thơ há lạm chê khen.

### Dịch nghĩa

Tuổi đời của ta nay đã sáu mươi,  
Già đến, lại cùng bệnh tật hờn nhau.  
Tiệc xuân, gượng khuyến mời vài chén rượu,  
Lo nước, đừng nói hai mái tóc đã bạc như tơ.  
Canh cử chẳng siêng năng, than thở về người đàn bà lười nhác,  
Gia đình không dạy dỗ, đáng cười cho đứa con ngây dại.  
Trong lúc thanh thoi hãy gửi cái thú thanh nhàn,  
Há đâu nói về thơ một cách phóng túng với những người gặp mặt.

### 6. Nhân thôn

#### Xóm làng (Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Tổng tổng lâm lâm sinh chí phần,  
Sở cư xứ xứ hữu hương thôn.  
Hào hoa hấp nhĩ tỉ lân hội,  
Nhân hậu y nhiên mỹ tục tồn.  
Tác tức tư đào Nghiêu nhật nguyệt(1),  
Âu ca cộng lạc Thuần kiên khôn.  
Thái bình tể tướng u tư hiển,

Nườm nượp sum suê khắp sản sinh,  
Thành làng, mọi chốn có dân đình.  
Hào hoa tụ hội, nhà liền vách,  
Nhân hậu theo lẽ, tục tốt lành.  
Thoải mái làm ăn thời thịnh trị,  
Chung vui ca ngợi cảnh thăng bình.  
Giữ coi việc nước vinh vì thế,

Quan cái tinh xu diệu lý môn.

Mũ lọng qua làng, sao lướt nhanh.

### Dịch nghĩa

Nườm nượp sum suê sinh sản ra rất đông đúc,  
Nơi nơi có người ở là có xóm làng.  
Hào hoa tập hợp, xóm giềng kề bên nhau,  
Nhân hậu vẫn thế, phong tục tốt đẹp còn nguyên.  
Làm và nghỉ cùng thoải mái trong ngày tháng đời Nghiêu,  
Hò và hát cùng vui vẻ trong trời đất đời Thuần.  
Quan tể tướng đời thái bình mở mày mở mặt ở đó.  
Mũ lọng đi nhanh như sao, rục sáng cổng làng

.....

- (1) Theo sách Mạnh Tử, dân đời vua Nghiêu sống an lạc, hát rằng: "Nhật xuất nghi tác, nhập nhập nhi túc, tạc tính nhi ẩm, canh điền nhi thực, để lực hà hữu ư ngã tai", nghĩa là: Mặt trời mọc thì dậy đi làm, mặt trời lặn thì đi nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, sức nhà vua có làm gì cho ta đây. Ý nói đức vua Nghiêu lớn quá, bao trùm tất cả, dân hưởng cảnh thái bình mà không cần biết là do công ơn của vua Nghiêu.

### 7. Thu thanh

Tiêu điều thu dạ trích hàn canh,  
Ngọc luật hồi âm ám thổ thanh(1).  
Đã giác thụ gian minh tích tích,  
Hốt kinh nguyệt hạ hưởng tranh tranh.  
Sơ văn thú phụ sầu vô mị,  
Tự xúc hàn tương nhạ bất bình.  
Nghĩ tác Dĩnh Xuyên Âu Tử(2) phú,  
Khủng hoảng mô phỏng bị thời khinh.

**Tiếng thu** (Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Đêm thu buồn lạnh, nước cầm canh,  
Ngọc luật âm thầm phát thổ thanh.  
Những thấy trong cây kêu sột soạt,  
Chợt vang dưới nguyệt tiếng lạnh canh.  
Mới nghe, vợ lính buồn không ngủ,  
Như gọi, để mèn kêu bất bình.  
Phú, định làm như ai đất Dĩnh,  
Lại e bất chước, bị đời khinh.

### Dịch nghĩa

Đêm thu tiêu điều, giọt nước nhỏ điểm canh lạnh lùng,  
Ổng ngọc luật đồng vọng, âm thầm mà phát ra thành tiếng.  
Chỉ nghe thấy trong cây tiếng kêu sột soạt,  
Bỗng giật mình dưới trăng tiếng vang lạnh canh.  
Mới nghe, người vợ lính thú buồn rầu không ngủ,

Như xui con để gọi nổi bất bình.

Toan làm bài phú như Âu Tử đất Dĩnh Xuyên,

E rằng lại chỉ làm việc bắt chước bị người đời khinh bỉ.

.....

- (1) Chú thích: Ngọc luật hồi âm ám thổ thanh. Ngọc luật, ám thổ thanh: ngọc là cái ống bằng ngọc người xưa đốt tro của màng cây sậy bỏ vào trong, đến các tiết hậu như đông chí, lập xuân, v.v... thì chất tro trong ống luật được khí trời thổi bay lên, người ta dựa vào đó để xem thời tiết; ám thổ thanh là ngậm có tiếng thổ, theo Thái cực đồ thì ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) ứng với tứ thời, kim ứng với mùa thu, mộc ứng với mùa xuân, thủy và thổ ứng với mùa đông, hỏa ứng với mùa hè. Ở đây ý nói rằng tuy là đang trong mùa thu mà trong ống ngọc luật đã ngậm có tiếng thổ, tức là báo trước sắp tới mùa đông.

- (2) Chú thích: Dĩnh Xuyên Âu Tử. Âu Tử tức là Âu Dương Tu, người đất Dĩnh Xuyên, sống vào đời Tống ở Trung Quốc, là một danh sĩ có làm bài phú "Thu thanh" (Tiếng thu) nổi tiếng.

## 8. Thủy hành phó doanh cảm tác

Chỉ kỳ thế phục cựu sơn hà,  
Khảng khái đăng chu phát hạo ca.  
Trạo bãi thủy văn đôi bạch tuyết,  
Phàm di nguyệt ảnh lộng hàn ba.  
Cô trung đối việt càn khôn lão,  
Tứ cổ vi mang thảo thụ đa.  
Ký thủ tặc nô bình đình hậu,  
Trùng tầm Tân quán lữ ngư hà.

### Dịch nghĩa

Đi đường thủy đến doanh trại cảm hứng làm thơ  
Định kỳ hạn thẻ khôi phục giang san cũ,  
Khảng khái lên thuyền cất cao giọng hát.  
Mái chèo khua gợn nước, chập chùng những đống tuyết trắng.  
Cánh buồm theo bóng trăng, giỡn nhỡn trong làn sóng lạnh.  
Tấm lòng cô trung dầu dãi, trời đất già nua,  
Đoái trông bốn phía lờ mờ, cỏ cây nhiều lắm.  
Ghi nhớ sau ngày dẹp xong bọn giặc hèn,

## 9. Trừ tịch tức sự

Tân tuế tài lân cựu tuế trừ,  
Lão lai tiếu ngã thái dung sơ.  
Kiền khôn bất tận yên hoa cảnh,  
Môn quán vô tư thủy trúc cư.  
Lương độ thủ tăng phù nhật cốc(1),  
Nhất phong thư khảng thưởng công xư(2) (xa),

## Cảm tác khi đi thuyền tới doanh trại

(Người dịch: Hữu Thế)

Định kỳ khôi phục núi sông xưa,  
Khảng khái lên thuyền cất tiếng ca.  
Buồm chuyển ánh trăng vờn sóng lạnh,  
Chèo khua gợn nước tuyết ngời hoa.  
Niềm trung trời đất già dầu dãi,  
Đoái khắp rừng cây rậm mịt mờ.  
Ghi nhớ sau ngày yên giặc dữ,  
Lại về Tân quán bạn tôm cua.

## Đêm cuối năm tức sự

(Người dịch: Đình Gia Khánh)

Năm cũ vừa qua, năm mới tới,  
Tự cười già lão lại lười khờ.  
Khói hoa nọ khắp trong trời đất,  
Tre nước đầu riêng của một nhà.  
Việc lớn, hai phen từng gắng sức,  
Xe công, một lá chẳng dăng thơ.

Niên niên quân đắc xuân quang hảo,  
Tri thị thiên tâm độc hậu dư.

### Dịch nghĩa

Năm mới vừa đến năm cũ hết,  
Về già tự cười mình lười nhác sơ xuất.  
Cảnh khói hoa là bất tận trong trời đất,  
Nơi có nước có tre, không giữ riêng cho nhà cửa mình.  
Hai phen đã ra tay phò xe vua,  
Một phong thư đâu có chịu dâng lên xe công.  
Năm năm được làm chủ ánh sáng đẹp mùa xuân,  
Biết đó là lòng trời riêng hậu với ta.

.....

- (1) Bánh xe mặt trời... Chỉ xe vua, nghĩa rộng là ngôi vua.

Năm năm làm chủ ba xuân đẹp,  
Biết rõ: ơn trời riêng được nhờ.

## 10. Vũ

Âm dương hoà hợp vận huyền ky (cơ),  
Giải tác cam lâm hỷ cập thi.  
Bái tự cửu thiên ân ký ốc,  
Nhuận triêm thứ thổ vật hàm nghi.  
Dân tô nghề(1) vọng vương sư chí,  
Sĩ hấp phong thành thánh giáo thi.  
Vũ thuận cổ đặng kim thượng thuy,  
Thái Bình hựu nhất thử hựu kỳ.

### Dịch nghĩa

Máy huyền diệu chuyển vận, âm dương hoà hợp,  
Mừng được kịp thời vụ, phát ra trận mưa ngọt.  
Rào rạt tự chín tầng trời, ơn đã đầy rẫy,  
Thấm nhuần mọi khoảng đất, mọi vật thoải mái.  
Đề được sống, dân mong quân nhà vua đến như đợi mống,  
Kẻ sĩ hợp nên phong hoá thi hành được giáo hoá của thánh nhan.  
Mưa thuận hoà, lúc được mùa, đó là điềm lành của nhà vua,  
Thái bình đây lại là một thời kỳ tốt đẹp

.....

-(1) Tô là sống lại, nghề là cầu vòng, mống là ráng mây. Vua Thành Thang đánh vua Hạ Kiệt tàn bạo, dân ngóng trông quân vua Thành Thang đến, có lời rằng: "Hề ngã hậu, hậu lai kỳ tô", nghĩa là: Đợi vua ta đến, vua ta đến thì dân ta được sống lại. Sách Mạnh Tử viết rằng: "Dân vọng chi nhược đại hạn chi vọng vân nghề", nghĩa là: Dân mong đợi như khi đại hạn mà mong có mây, có mống.

Mưa (Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Hoà hợp âm dương, máy chuyển vận,  
Mừng cơn mưa ngọt, tưới vừa tuần.  
Chín trời đầy rẫy, ơn tràn khắp,  
Muôn vật xanh xang, đất thấm nhuận.  
Gặp hạn, chờ mưa, dân đợi cứu,  
Nên phong, thành giáo, sĩ chung phần.  
Điềm lành mùa tốt, nhờ mưa thuận,  
Cảnh thái bình, đây lại một lần.

## 11. Xuân đán cảm tác

Hành niên thất thập tứ niên dư,  
Hỷ đắc đầu nhân phỏng cựu cư.

Đầu năm cảm xúc làm thơ

(Người dịch: Đinh Gia Khánh)

Tuổi đời đã quá bảy mươi tư,  
Mừng được về nhà, thăm chốn xưa.

Tuế thủy bàng quan tân vũ trụ,  
Gia bản duy phú cộ thi thư.  
Tú hoa dã trúc tam xuân hảo,  
Tịnh nguyệt minh song nhất thất hư.  
Thủy thị thủy phi hư thuyết trước,  
Lão cuồng tự tiểu thái dung sơ

### Dịch nghĩa

Tuổi đời đã ngoài bảy mươi tư,  
Mừng được cảnh nhàn về thăm chỗ ở cũ.  
Đầu năm nhìn quanh vũ trụ mới,  
Nhà nghèo, chỉ giàu sách vở cũ.  
Hoa đẹp tre hoang ba xuân tươi tốt,  
Trắng trong cửa sổ sáng, một căn nhà trống.  
Ai phải ai trái, thôi không nói làm gì,  
Già ngông, tự cười mình lười nhác quá

## 12. Xuân hàn

Thập nhị thiêu quang(1) xuân nhất đoàn,  
Nhất thiên liệu tiểu tống dư hàn.  
Khinh âm tá vũ xâm hoa dị,  
Tàn tuyết nhân phong truy liễu nan.  
Tú thất giai nhân đề ngọc tướng,  
Hương nhai tuý khách xúc kim an(2).  
Toàn kiên tự hữu thần công tại,  
Dĩ bá dương hoà mẫn tế bàn(3)

### Dịch nghĩa

Mười hai thiêu quang, một vừng xuân sắc,  
Một ngày lành lạnh tiễn đưa cái rét còn lại.  
Trời râm mát nhờ mưa để thấm vào bông hoa,  
Tuyết tàn bị gió rơi xuống cành liễu.  
Giai nhân trong phòng gấm rủ thấp màn ngọc,  
Ngoài đường sức nức hoa thơm, khách say giục giã yên vàng.  
Xoay chuyển càn khôn, tự có công phu thần diệu,  
Đã gieo rắc khí dương hoà khắp cả trời đất.

.....

- (1) Chú thích: thiêu quang. Ánh sáng đẹp của mùa xuân. Cũng có nghĩa là ngày xuân "Thiêu quang chín chục" là chín mươi ngày xuân. Ở đây "Mười hai thiêu quang" tức là đã mười hai ngày xuân. Tác giả làm bài thơ này vào đầu xuân, tức ngày mười hai tháng Giêng, lúc còn rét nhưng đã sang xuân.

- (2) Chú thích: Hương nhai tuý khách xúc kim an. Vì rét, khách làng say ở phố thơm (phố có giai nhân) cũng phải giục ngựa đi lạnh, không thể khè khà thưởng thức được.

Năm mới, khắp xem tân vũ trụ,  
Nhà nghèo, riêng sẵn cộ thi thư.  
Tre hoang, hoa đẹp, ba xuân tốt,  
Cửa sáng, trăng trong, nhà trống tro.  
Ai phải, ai sai, thôi chẳng nói,  
Tự cười già nhác lại cuồng khờ.

### Rét mùa xuân (Người dịch: Lô Công)

Xuân quang chín chục trải mười hai,  
Đưa tiễn hơi dư lạnh một trời.  
Ngày rợp mưa phùn hoa dễ thấm,  
Tuyết tan gió phát liễu khôn rơi.  
Nhà vàng người đẹp thăm buồng trống.  
Phố vắng làng say vội giục roi,  
Mầu nhiệm cơ thần xoay chuyển lại,  
Dương hoà chan chứa khắp nơi nơi

-(3)Trang Tử có câu: "Thượng tế ư thiên, hạ bàn ư địa", nghĩa là: Trên rộng đến trời, dưới khắp cả đất. Sau người ta dùng gọn bốn từ "Tế thiên bàn địa" như là một thành ngữ. Ở đây, tác giả lại lược đi hai từ, chỉ còn hai từ "tế bàn" nhưng cần hiểu như nghĩa của cả câu "tế thiên bàn địa".

## Bạch Vân ca

### 1. Bạch Vân ca

Nước Nam thường có thánh tài.  
Sơn hà vững đặt ai hay tỏ tường.  
Kìa Nhị Thuỷ, nọ Dao Sơn,  
Bà ngọc dát nổi, âu vàng Trời cho.  
Học cách vật mới dò tới chốn,  
Chép ghi làm một bản xem chơi.  
Muôn việc cũng bởi tại người,  
Suy ra mới biết sự đời đường bao.  
Dẫu ai có vàng trau nghìn hột,  
Châu báu hơn chữ một nghĩa mười.  
Tiên Hoàng từ trước mở ngôi,  
Cờ lau tập trận thay Trời trị dân.  
Mới được mười hai dư xuân,  
Lê Hành kế vị, xa gần âu ca.  
Ba mươi năm ngôi nhà được lễ,  
Đến Ngô Triều nào kẻ tài hay.  
Ngôi Trời để Lý vào thay,  
Tám cảnh hoa nở đến ngày dự phân.  
Chiêu Hoàng là Á Nữ Quân,  
Thấp bề nhan sắc trao Trần Thái Tôn.  
Thập nhị thế, tiếng đồn nhân hậu;  
Trăm bảy mươi ghi dấu thất niên.  
Đông A chốn ấy còn bề,  
Quý Ly tiếm thiết thay quyền đã cam.  
Đại Ngu được mười bốn năm;  
Hậu Trần Nhị Đế lại chăm phục hồi.  
Suy ra mới biết sự Trời;  
Lam Sơn khởi nghĩa là đời Lê Gia  
Tây Sơn sừng sức kéo ra,  
Ngắm xem thế tục gọi là phương ngôn.  
Đến Phụ Nguyên đời còn chinh chiến,  
Trả bao thu dâu biển cát làm  
Rừng xa vực thẳm nguồn thâm,  
Nào ai biết sẽ nhân tâm lúc này.

Ấy những quân đời này thế ấy,  
Lòng Trời xui ai nấy biết đâu.  
Chớ đừng tham của làm giàu,  
Tìm nơi tam hiểm, ngõ hầu bảo thân.  
Đà Giang chốn ấy cũng gần,  
Kim Ngự chốn ấy cũng phần thuở nơi.  
Ba Thục riêng một góc trời,  
Thái Nguyên một dải là nơi trú đình.  
Tư bề núi đá xanh xanh,  
Có đường tiểu mạch nương mình ai hay.  
Bốn bụi xuất thế đã chầy,  
Chưa chọn được ngày ra của nhân dân.  
Ấy là điếm xuất thánh quân,  
Hễ ai biết được thì thân mới toàn.  
Chữ rằng hữu xạ tức tự nhiên hương,  
Có phải tầm thường thuốc đầu bán sao?  
Nắng lâu phải có mưa rào,  
Vội chi tát nước xôn xao cây bừa.  
Hạn rồi thì phải có mưa,  
Buồm giương gặp gió, cây bừa gặp cơn.  
Tuần này thánh xuất Khâm phương,  
Sự thực đã tường, chẳng phải lo suy.  
Quần hùng binh dậy sơn Khê,  
Kẻ khoe cứu nước, người khoe trợ thời.  
Xem thấy những sương rơi tuyết lạnh,  
Loài bất bình tranh cạnh hung hăng.  
Một cơn sấm dậy đất bằng,  
Thánh nhân ra mới cứu hàng sinh linh.  
Lược thao văn vũ tài tình,  
Mới hay phú quý hiển vinh lạ lùng.  
Tam công gặp hội vui mừng,  
Bỏ khi cá nước vẫy vùng biển sông.  
Bỏ khi chém rắn vẽ rồng,  
Bỏ khi non Bắc ải Đông mịt mù.

Chó mừng chúa, gà bày cục tác,  
 Lợn ăn no thả rác nằm chơi.  
 Đó mới kể là đời thịnh thế,  
 Mà thiên hạ sau sẽ làm hai.  
 Người Đoài cũng thực ấy tài,  
 Mà cho người Sở toan bài lập công.  
 Bởi Trần Vương ngu không kể siết,  
 Mới phen này để lại giết dê.  
 Đến khi thức tận binh bì,  
 Âm binh ở giữa, dễ thì biết sao.  
 Trời cho ta mang dao chém quỷ,  
 Khấp dưới Trời bình trị quỷ thư.  
 Ai từng cứu con thơ xa giếng,  
 Chớ một lòng chinh chiến phá nhau.  
 Muôn dân chịu những âu sầu,  
 Kể dư nhị ngũ mới hầu biết cho.  
 Chốn Đông Nam lò dò khổ ải,  
 Lánh cho xa kéo phải đao binh.  
 Bắc phương chín thực để kinh,  
 Nấu mình chưa để náo danh được nào.  
 Vả người là đúng anh hào,  
 Đánh làm sao được ước ao đêm ngày.

## 2. Cảm hứng

Thái hoà vũ trụ bắt Ngu, Chu,  
 Hồ chiến giao tranh tiến lưỡng thù.  
 Xuyên huyết sơn hà tùy xứ hữu.  
 Uyên ngư từng tước vị thủy khu.  
 Trùng hưng dĩ bốc độ giang mã,  
 Hậu hoạn ứng phòng nhập thất khu,  
 Thế sự đảo đầu lưu thuyết trước,  
 Tuý ngâm trạch bạn nhậm nhân du.

.....

Trương truyền bài thơ này làm ra để tiên đoán việc nhà Lê sẽ trung hưng và nói đến việc họ Trịnh chuyên quyền lấn áp vua lê. Và những việc của ông tiên đoán điều không sai một mảy.

## 3. Hữu cảm kỳ 1

Nghịch tặc xương cuồng phạm đế kinh,  
 Chủ ưu thần nhục trọng thương tình.  
 Hề tô cửu uất thương sinh vọng,  
 Điều phạt thủy hưng thời vũ binh.

Bỏ khi kẻ Việt người Hồ,  
 Bỏ khi kẻ Sở người Ngô xa đường  
 Càn khôn phủ tái vô lương,  
 Đào viên đỉnh phát, quần dương tranh hùng.  
 Cơ nhị ngũ thư hùng vi quyết,  
 Đảo Hoành Sơn tam liệt ngũ phân.  
 Ta hồ vô phụ vô quân,  
 Đào viên tân lạc, ngô dân thủ thành.  
 Càn khôn phủ tái vô lương,  
 Đào Viên đỉnh phát, quần dương tranh hùng.  
 Cơ nhị ngũ thư anh hùng vị quyết,  
 Đảo Hoành Sơn tam liệt ngũ phân.  
 Ta hồ vô phụ vô quân,  
 Đà Giang phúc địa giáng linh,  
 Cứu trùng thụ ứng lòng thành ngũ vân.  
 Phá điền thiên tử giáng trần,  
 Dũng sĩ nhược hải, mưu thần như lâm.  
 Trần Công nãi thị phúc tâm,  
 Giang hồ sử sĩ đào tiềm xuất du.  
 Tương thần hệ xuất Y, Chu,  
 Thử kỳ phục kiến Đường, Ngu thị thành.  
 Hiện xung thiện hạ thái bình.

## Cảm hứng (Người dịch: Ngô Lập Chi)

Non sông nào phải buổi binh thời,  
 Thù đánh nhau chi khéo nực cười.  
 Cá vược, chim rừng, ai khiến đuổi ?  
 Núi xương, sông huyết, thăm đầy vơi.  
 Ngựa phi ắt có hồi quay cổ,  
 Thú dữ nên phòng lúc cắn người.  
 Ngán ngảm việc đời chi nói nữa,  
 Bên đằm say hát nhớn như chơi.

## Có cảm xúc kỳ 1 (Người dịch: Ngô Lập Chi)

Giặc giả tung hoành lấn đế kinh,  
 Vua tôi lo lắng xiết bao tình.  
 Mong mưa, chan chứa lòng dân vọng,  
 Trừ bạo, tung bưng đạo nghĩa binh.  
 Bón bể vui theo người đạo đức,  
 Khấp nơi lại thấy cảnh thanh bình.

Tứ hải y quy dân đối cự,  
Cửu thiên chiêu yết nhật trùng minh.  
Cổ lai, nhân giả tư vô địch,  
Hà tất khu khu sự chiến tranh.

Xưa nay nhân giả là vô địch,  
Lọ phải khu khu thích chiến tranh.

#### 4. Hữu cảm kỳ 2

Lạc lạc can qua hận mãn tiền,  
Nhân dân bồn thoáng dục cầu tiên.  
Điền liên huê bạo ta vô địa,  
Ái hộ căn liên hạnh hữu thiên.  
Chỉ định vị văn quy mã nhật,  
Khai minh cấp tường thuộc trư niên.  
Nhất chu khí vận chung nhi thủy,  
Bác, phục đồ tông thái cực tiên.

**Có cảm xúc kỳ 2** (Người dịch: Ngô Lập Chi)

Ngán nỗi can qua mãi thế ư  
Nhân dân mong được chốn an cư  
Kéo nhau lũ lượt tìm nơi ẩn  
Cứu kẻ phiêu lưu có chỗ nhờ  
Bình định còn chờ ngày nghỉ ngựa  
Thái bình nhưng đợi buổi năm trư  
Tuần hoàn một lẽ cùng chung thủy  
Bác phục nguyên từ thái cực xưa.

### Sám Trạng Trình (\*) Nguyễn Bình Khiêm tiên đoán

Lịch sử khoa cử Việt Nam có hàng chục trạng nguyên, nhưng ít có ông trạng nào mà tên tuổi lại được nhắc tới với nhiều giai thoại kỳ bí như Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585). Là một nhà thơ lớn của dân tộc, Nguyễn Bình Khiêm đề cao tư tưởng nhân nghĩa, hòa bình. Chính ông là người đầu tiên nhắc tới hai chữ Việt Nam trong các tác phẩm của mình. Là một người thầy lớn, Nguyễn Bình Khiêm đã đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Học trò của ông, người theo nhà Mạc, người theo nhà Lê. Ngoài triều Mạc, cả họ Trịnh, họ Nguyễn, những người thuộc các phe đối lập, cũng đều tôn kính ông, thường xin ý kiến ông về nhiều vấn đề hệ trọng. Nguyễn Bình Khiêm đã chỉ cho tất cả. Họ đều thấy sự chỉ dẫn của ông là đúng, nên ông được xem như bậc đại hiền, một ông trạng tiên tri...

#### Những lời khuyên làm nên sự nghiệp

- Năm 1568, khi Nguyễn Hoàng thấy anh ruột là Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm (anh rể) giết, bèn sai người đến xin ý kiến Nguyễn Bình Khiêm, lúc này đã 77 tuổi, đang sống ẩn dật ở Am Bạch Vân. Không trả lời trực tiếp, ông dẫn sứ giả ra hòn non bộ, chỉ vào đàn kiến đang bò và nói:

*"Hoành sơn nhất đá, khả dĩ dung thân"*

(Một dải Hoành Sơn có thể dung thân được)

Hiểu được ý ấy, Nguyễn Hoàng nhờ chị gái xin với anh rể Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa từ đèo Ngang trở vào, từ đó lập ra nhà Nguyễn ở phương nam. Về sau sử nhà Nguyễn sửa thành "vạn đại dung thân", hy vọng sẽ giữ được cơ nghiệp mãi mãi.

- Ở Thăng Long, Trịnh Kiểm cũng muốn bỏ Vua Lê để tự xưng vương. Khi cho người đến hỏi ý kiến của Nguyễn Bình Khiêm, ông không trả lời mà dẫn sứ giả ra chùa, thắp hương mà nói: "Mấy năm nay mất mùa, nên tìm thóc giống cũ mà gieo". Rồi lại bảo chú tiểu quét dọn chùa sạch sẽ và nói: "Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản". Hiểu ý, Trịnh Kiểm không dám phế bỏ nhà Lê mà phò Vua Lê để lập nghiệp Chúa.

- Phùng Khắc Khoan đến gặp Nguyễn Bình Khiêm, với ý muốn nhờ thầy cho một lời khuyên: Có nên bỏ nhà Mạc để vào Thanh Hóa với triều đình Lê - Trịnh? Cả buổi chiều trò chuyện, Nguyễn Bình Khiêm chỉ hỏi tình hình, nói chuyện văn chương chứ không trả lời. Đêm ấy Phùng Khắc Khoan ngủ lại tại nhà thầy. Sang canh tư, Nguyễn Bình Khiêm đến phòng ngủ của học trò, đứng ngoài gõ cửa và nói vọng vào:

*"Gà đã gáy rồi, trời đã sáng, sao không dậy, ngủ mãi ừ"*

Phùng Khắc Khoan nghe xong, suy nghĩ, và đoán rằng thầy gián tiếp báo thời cơ đã đến, có thể vào giúp nhà Lê. Ông vội vàng thu xếp hành lý, đợi đến lúc mặt trời mọc thì vào gặp thầy. Nguyễn Bình Khiêm vẫn không nói gì, chỉ cuốn một chiếc chiếu ngắn ném theo. Phùng Khắc Khoan nhặt lấy chiếu, vừa đi vừa nghĩ:

"Phải chăng đây là ý dặn mình cần hành động gấp và dứt điểm như cuốn chiếu"

- Khi Nguyễn Bình Khiêm gần mất, nhà Mạc cho người đến hỏi ông về kế lâu dài. Ông đáp: "Cao Bằng tuy tiểu, khả diên sở thế" (Đất Cao Bằng tuy nhỏ nhưng dựa vào đó có thể kéo dài được vài đời). Sau quả đúng như vậy.

### Những lời sấm cho nhiều đời sau

Dân gian lưu truyền nhiều bản Sấm ký được cho là của ông. Hiện nay ở kho sách Viện nghiên cứu Hán - Nôm còn giữ được bốn bản. Tuy nhiên các bản này đều không có tên người chép, chép từ bao giờ và chép ở đâu? Do vậy, chúng ta cần phải làm rõ vấn đề đầu là khả năng dự báo xã hội của Nguyễn Bình Khiêm do kiến thức và kinh nghiệm đã đem lại, đầu là những điều mà người đời đã gán ghép cho ông? Mặc dù là "tôn nghi" nhưng chúng tôi cũng xin trích ra để bạn đọc cùng khảo cứu.

- Truyện kể lại rằng, trước khi qua đời, Nguyễn Bình Khiêm để lại một phong thư, đặt trong một ống quyển gắn kín, dặn con cháu sau này nếu làm ăn sa sút, mang thư ấy đến gặp quan sở tại thì sẽ được cứu giúp. Đến đời thứ bảy, người cháu thứ bảy là Thời Đương nghèo khổ quá, nhớ lời truyền lại, đem phong thư đến gặp quan sở tại. Quan lúc này đang nằm võng đọc sách, nghe gia nhân báo có thư của cụ Trọng Trình thì lấy làm lạ, lật đặt chạy ra đón thư. Vừa ra khỏi nhà thì cái xà rơi xuống đúng chỗ võng đang nằm. Quan sợ hãi vội mở thư ra xem thì chỉ có mấy chữ:

*"Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách*

*Nhĩ cứu ngã thất thế chi tôn*

**(Ta cứu người thoát khỏi ách xà rơi**

**Người nên cứu cháu bảy đời của ta)**

Quan vừa kinh ngạc, vừa cảm phục, bèn giúp đỡ cháu bảy đời của Trọng hết sức tử tế.

- Đến đời Vua Minh Mệnh (1820 - 1840) trong dân gian lưu truyền một câu sấm: "Gia Long nhị đại, Vĩnh Lại vi Vương" (đời thứ hai Gia Long, người ở Vĩnh Lại làm vua). Vua Minh Mệnh vốn tính đa nghi. Biết được mấy câu sấm

ấy, nhà vua vừa có ý đề phòng, vừa căm giận Trịnh Trách. Tổng đốc Hải Dương lúc bấy giờ là Nguyễn Công Trứ được lệnh đến phá đền thờ Trịnh Trách.

Nguyễn Công Trứ cho lính đến, cứ y lệnh triều đình cho đập tường, dỡ nóc. Nhưng khi tháo cây thương lương ra thì một cái hộp nhỏ đã để sẵn trong tấm gỗ, rơi xuống. Quân lính nhặt đưa trình chủ tướng, Nguyễn Công Trứ mở xem, trong đó có một mảnh giấy đề chữ:

*"Minh Mệnh thập tứ  
Thằng Trứ phá đền  
Phá đền thì lại làm đền  
Nào ai cướp nước tranh quyền gì ai".*

Nguyễn Công Trứ vội ra lệnh dừng ngay việc phá đền, khẩn cấp tâu về triều đình, xin làm lại đền thờ Trịnh Trách.

Ở một tập sấm mở đầu có các câu:

*"Nước Nam thường có thánh tài  
Sơn hà vững đạt mấy ai rõ ràng  
Bãi ngọc đất nổi, âu vàng trời cho  
Học cách vật mới dò tới chốn..."*

Có người cho rằng những lời thơ ấy đã khẳng định đất nước có nhiều người tài giỏi, cùng với nhân dân giữ vững đất nước qua biết bao nguy biến. Đất nước cũng có nhiều tài nguyên phong phú cần được khai thác. Đảo Sơn phải chăng là Vũng Tàu - Côn Đảo? Nơi có tiềm năng về dầu khí và có vị trí kinh tế chiến lược? Những lời sấm ấy cũng khẳng định phải có khoa học - kỹ thuật (học cách vật) mới có thể khai thác tốt và sử dụng tốt những tài nguyên đó, những âu vàng trời cho.

Tập sấm còn đề cập tới một bậc Thánh giúp đời:

*"Một đời có một tôi ngoan,  
Giúp chung nhà nước dân an thái bình  
Ấy điềm sinh Thánh rành rành chẳng nghi"*

.....

Trong tập sấm cũng ghi một lời rất đặc biệt:

*"Hồng Lam ngũ bách niên thiên hạ  
Hưng tộ diên trường ức vạn xuân"*  
**(Đất nước Hồng Lam này sau ta 500 năm  
sẽ là một thời kỳ hưng thịnh vạn mùa xuân)**

Nguyễn Bình Khiêm mất năm 1585, thọ 94 tuổi. Ba trăm năm sau, trong bộ sách lớn "Lịch triều hiến chương loại chí", nhà văn hóa Phan Huy Chú đã coi Nguyễn Bình Khiêm là "Một bậc kỳ tài, hiển danh muôn thuở".

.....

(\*) Xưa nay có rất nhiều bản khác nhau vì nhiều người sửa đổi. Không biết bản nào là bản chính, nên trước khi san định, nghiên cứu, chúng ta phải sưu tập tài liệu. Tại các thư viện Việt Nam nhất là tại Hà Nội có nhiều bản Sấm

Trạng Trình chữ Nôm và các bản này cũng khác nhau. Sám ký ở bản A có 262 câu, gồm 14 câu “cảm đề” và 248 câu “sám ký” là gốc của bản Quốc ngữ Hoàng Xuân và Thời Tập. Bản AB.444 Viện Hán Nôm gốc của bản quốc ngữ Mai Lĩnh.

Ngoài bản A còn có ít nhất ba dị bản về sám Trạng Trình. Tài liệu liên quan hiện có 20 văn bản, trong đó 7 bản là tiếng Hán Nôm lưu tại Thư viện Khoa học Xã hội (trước đây là Viện Viễn Đông Bác Cổ) và Thư viện Quốc gia Hà Nội. Trước 1975, tại miền Nam đã có khoảng 20 bản quốc ngữ, nay Hà Nội cũng in thêm vài bản. Bản tiếng quốc ngữ phát hiện sớm nhất có lẽ là Bạch Vân Am thi văn tập in trong Quốc Học Tùng Thư năm 1930 mà hiện nay vẫn chưa tìm được.

## Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm Sám ký (I)

Khỉ hú trời Nam cá hoá rồng,  
Gà kêu Nam Bắc hội Hoa Long,  
Lần tay đếm lại Năm Ba Chín,  
Mới thấy điềm may giống Lạc Hồng.  
Chăm chỉ chờ ngày sang Mậu Ngũ,  
Ước ao đặng thấy buổi Canh Thân,  
Cho hay bốn bể ba đào dậy,  
Cù rồng kêu vang giống Lạc Hồng.

.....  
*Sám ký của Trạng Trình đối với nước Việt.*

## Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm Sám ký (II)

1. Vận lành mừng gặp tiết lành  
Thấy trong quốc ngữ lập thành nên câu  
Một câu là một nhiệm màu  
Anh hùng gấm được mới hầu giá cao

5. Trái vì sao mây che Thái Ất  
Thừa cung tay xe nhật phù lên  
Việt Nam khởi tổ gây nên  
Lạc Long ra trị đương quyền một phương  
Thịnh suy bí thái chẳng thường

10. Một thời lại một nhiễu nhưong nên lè.  
Đến Đinh Hoàng là ngôi cửu ngũ  
Mở bản đồ rử áo chấp tay  
Ngự đao phút chốc đổi thay (1)

Thập bát tử (giày) rày quyền đã nổi lên (2)

15. Đông A âm vị nhi truyền (3)  
Nam phương kỳ mộc bỗng liền lại sinh (4)

Chấn cung hiện nhật quang minh (5)  
Sóng lay khôn chống trường thành bền cho  
Đoài cung vẽ rạng trăng thu  
20. Ra tay mở lấy để đô vạn toàn  
Sáng cửa thiên ám vừng hồng nhật (6).  
Dưới lẫn trên ăn vẫn uống quen  
Sửa sang muôn vật cầm quyền  
Ngồi không ai dễ chẳng nhìn giúp cho  
25. Kia liệt vương khí hủ (7) đồ ủng  
Mặc cường hầu ông ổng tranh khôn.  
Trời sinh ra những kẻ gian  
Mặc khôn đổi phép, mặc ngoan tham tài  
Áo vàng ám áp đà hay  
30. Khi sai đắp núi khi sai xây thành  
Lấy đạc điền làm công thiên hạ  
Được mấy năm đất lở riêng (8) mòn  
Con yết ạch ạch tranh khôn  
Vô già mở hội mộng tôn làm chùa  
35. Cơ trời xem đã mê đồ  
Đã đô lại muốn mở đô cho người  
Ấy lòng trời xui lòng bất nhẫn  
Suốt vạn dân cưu giện nhận (9) than  
Dưới trên dốc trí lo toan  
40. Những đua bán tước bán quan làm giàu  
Thống ru nhau làm mỗi phú quý  
Mấy trung thần có ý an dân  
Đua nhau làm sự bất nhân  
Đã tuần rồn bề lại tuần đầu non  
45. Dư đồ chia rẽ càn khôn (10)  
Mối giương (11) man mác khiếp mòn lòng nhau.  
Vội sang giàu giết người lấy của  
Sự có chẳng mặc nợ ai đôi (12)  
Việc làm bất chính tội bời  
50. Minh ra bỗng lại thấy thôi bấy giờ  
Xem tượng trời đã gia (13) ra trước  
Còn hung hăng bạc ngược quá xưa  
Cuồng phong cả sớm liền trưa  
Đã đờn cứu khúc còn thơ thi đề  
55. Ấy Tần Vương ngu mê chẳng biết  
Để vạn dân dề lại giết dề  
Luôn năm chặt vật đi về  
Âm binh ở giữa nào hề biết đâu  
Thấy thành đô tiếng kêu ong ổng  
60. Cũng một lòng trời chống khác nào  
Xem người dường vững chiêm bao

Nào đâu còn muốn ước ao thái bình  
Một góc thành làm tám chúng quý  
Đua một lòng ích kỷ hại nhân  
65. Bốn phương rở rở hồng trần  
Làng khua mỏ cá , làng phân điểm tuần (14)  
Tiếc là những xuất dân làm bạo  
Dục khua loài thỏ cáo tranh nhau  
Nhân danh trọn hết đầu đầu  
70. Bảy giờ thiên hạ âu sầu càng ghê  
Hùm già lạc dấu khôn về  
Mèo non chỉ chí tìm về cổ hương  
Chân dê móng khởi tiêu tường  
Nghỉ nhau ai dễ sửa sang một mình  
75. Nội thành hoảng hốt hư kinh (15)  
Đầu khí tin sứ chèo thành lại sang  
Bỏ mồ hôi Bắc giang tái mã  
Giữa hai xuân bỗng phá tổ long  
Quốc trung kinh dụng cáo không  
80. Giữa năm vả lại khiếm hung mùa màng  
Gà đầu sớm gáy bên tường  
Chẳng yêu thì cũng bắt tường chẳng không  
Thủy binh cờ phát vàng hồng  
Bộ binh tấp nập như ong kéo hàng  
85. Đứng hiên ngang đó ai biết trước  
Ấy Bắc binh sang việc gì chẳng ?  
Ai còn khoe trí khoe năng  
Cấm kia bắt nọ, tưng bừng đòi nơi  
Chưa từng thấy đời nào sự lạ  
90. Bỗng khiến người giá họa cho dân  
Muốn bình sao chẳng lấy nhân  
Muốn yên sao chẳng dục dân ruộng cày  
Đã nên si Hoàn Linh đời Hán (16)  
Đúc tiền ra bán tước cho dân  
95. Xun xoe những rắp cấy quân  
Chẳng ngờ thiên xoay vắn đã công  
Máy hoá công nắm tay dễ ngỗ  
Lòng báo thù ai dễ đã nguôi (17)  
Thung thăng tưởng thấy đạo trời  
100. Phù Lê diệt Mạc nghĩ đời quân ra (18)  
Cát làm bốn bể can qua  
Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về (19)  
Quân hùng binh nhuệ đầy khe  
Kẻ xưng cứu nước kẻ khoe trị đời  
105. Bảy giờ càng khốn ai ôi  
Quỉ ma chật vật biết trời là đâu ?

Thương những kẻ ăn rau ăn rởi (20),  
Gặp nước bung (21) con cái ần đầu  
Báo thù ấy chẳng sai đầu  
110. Tìm non có rẫy chường sau mới toàn  
Xin những kẻ hai lòng sự chúa  
Thấy đâu hơn thì phụ thừa ân  
Cho nên phải báo trăm luân  
Ai khôn mới được bảo thân đời này.

\*\*\*\*\*

115. Nói cho hay khâm cung rồng dấy  
Chí anh hùng xem lấy mới ngoan  
Chữ rằng lục thất nguyệt gian  
Ai mà nghĩ được mới gan anh tài  
Hễ nhân kiến (22) đã dòi đất cũ  
120. Thì phụ nguyên mới chỗ (trở) (23) binh ra  
Bốn phương chẳng động can qua  
Quần hùng các xứ điều hoà làm tôi  
Bấy giờ mở rộng qui khôi  
Thần châu thu cả mọi nơi vạn toàn

\*\*\*\*\*

125. Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh  
Hoàng phúc xưa đã định tây phong  
Lầu lầu thế giới sáng trong  
Lò lộ mặt rồng đầu có chữ vương  
Rõ sinh tài lạ khác thường

130. Thuần Nghiêu là trí Cao Quang là tài  
Xem ý trời có lòng khải thánh  
Dốc sinh hiền điều đỉnh hộ mai  
Chọn Đẩu, Thai (24) những vì sao cả  
Dùng ở tay phụ tá vương gia

135. Bắc phương chính khí sinh ra  
Có ông Bạch sĩ điều hoà hôm mai  
Song thiên nhật rạng sáng soi  
Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường  
Đời này thánh kế vì vương

140. Đủ no đạo đức văn chương trong mình  
Uy nghi trạng mạo khác hình  
Thác cư một gốc kim tinh phương đoài  
Cùng nhau khuya sớm dưỡng nuôi  
Chờ cơ sẽ mới ra tài cứu dân

145. Binh thơ mấy quyển kinh luân  
Thiên văn địa lý nhân luân càng mầu  
Ở đâu đó anh hùng hẳn biết  
Xem sắc mây đã biết thánh long  
Thánh nhân cư có thụ cung

150. Quân thần đã định gin lòng chớ tham

Lại dặn đáng tú nam chí cả  
Chớ vội vàng tất tả chạy rông  
Học cho biết lý kết hung  
Biết phương hướng hội có dùng làm chi.

155. Hễ trời sinh xuống phải thì  
Bất kỳ chi ngộ màng gì tưởng trông  
Kia những kẻ vội lòng phú quý  
Xem trong mình một tí (25) đều không  
Ví dù có gặp ngư ông

160. Lưới chài đâu sẵn nên công mà hòng  
Xin khuyên đáng thời trung quân tử  
Lòng trung nghi ai nhớ cho tình.  
Âm dương cơ ngẫu ngộ sinh

Thái nhâm thái ất trong mình cho hay  
165. Văn thi luyện nghiên bài quyết thắng  
Khen Tử Phòng cũng đáng Khổng Minh  
Võ thông yên thủy, thần kinh  
Được vào trận chiến mới rành biển cơ  
Chớ vật vờ quen loài ong kiến

170. Biết ray tay miệng biển? nói không  
Ngõ hay gặp hội mây rồng  
Công danh chơi chới chếp trong vân đài  
Bấy giờ phỉ sức chí trai  
Lọ là cho phải ngược xuôi nhọc mình

175. Nặng lòng thật có vĩ kinh  
Cao tay mới gắm biết tình năm nao  
Trên trời có mấy vì sao  
Đủ no hiền tướng anh hào đôi nơi  
Nước Nam thường có thánh tài

180. Ai khôn xem lấy hôm mai mới tường  
So mấy lời để tàng kim quĩ  
Chờ hậu mai có chí sẽ cho  
Trước là biết nẻo tồn phò  
Sau là cao chí biết lo mặc lòng

\*\*\*\*\*

185. Xem đoài cung đến thời bất tạo  
Thấy vĩ tinh liệu rạo (rạo, tháo?) cho mau  
Ngươi lòng tham tước tham giàu  
Tìm nơi tham ( tam ?) hiểm mới hầu bảo thân  
Trẻ con mang mệnh tướng quân

190. Ngõ oai đã dậy, ngõ nhân đã nhường  
Ai lấy gương vua U thừa trước  
Loạn ru vì tham ngược bất nhân.  
Đòi phương ong khởi lần lần

Muôn sinh ba cốc cầm binh dấy loạn

195. Man mác một đỉnh Hoành Sơn (26)

Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù

Ấy là những binh thù thái thái

Lòng trời xui ai nấy biết ru ?

Phá điền đầu khỉ cuối thu (27)

200. Tái binh mới động thập thò liền sang

Lộ chẳng thường trong năm khôn xiết

Về lại thêm hung hiệt mất mùa

Lưu tinh hiện trước đôi thu

Bấy giờ thiên hạ mây mù đủ năm

205. Coi thấy những sương xâm tuyết lạnh

Loài bất bình tranh mạnh hung hăng

Thành câu cá, lửa tương bưng

Kẻ ngàn Đông Hải người rừng Bắc Lâm

Chiến trường chồn chồn cát lằm

210. Kẻ nằm đầy đất kẻ trầm đầy sông

Sang thu chín huyết hồng tử giả

Nơi đàn dê tranh phá đôi nơi

Đua nhau đồ thán quân lê

Bấy giờ thiên hạ không bề tựa nương

215. Kẻ thì phải thừa hung hoang

Kẻ thì binh hỏa chiến trường chết oan

Kẻ thì mắc thừa hung tàn

Kẻ thì bận của bổng toan khốn mình

Muông vương dựng tổ cản tranh

220. Điều thì làm chước xuất binh thủ thành

Bời bời đua mạnh tranh giành

Ra đầu đánh dấy đem binh sớm ngày

Bể thanh cá phải ẩn cây

Đất bằng nổi sấm cát bay mịt mù

225. Nào ai đã dễ nhìn u

Thủy chiến bộ chiến mặc dù đòi cơn

Cây bay lá lửa đôi ngàn

Một làng còn mấy chim đàn bay ra

Bốn phương cùng có can qua

230. Làm sao cho biết nơi hòa bảo thân

Đoài phương thực có chân nhân

Quần tiên khởi nghĩa chẳng phân hại người

Tìm cho được chốn được nơi

Thái nguyên một giải lần chơi trú đình (28)

235. Bốn bề núi đá riều quanh

Một đường tiểu mạch nương mình đầy an

Hế Đông Nam nhiều phen tàn tặc

Lánh cho xa kẻ mắc đao binh

Bắc kinh mới thật đế kinh

240. Giấu thân chưa dễ giấu danh được nào

Chim hồng vĩ cánh bay cao

Tim cho được chốn mới vào thần kinh.

Ai dễ cứu con thơ sa giếng

Đua một lòng tranh tiếng giục nhau.

245. Vạn dân chịu thừa âu sầu

Kẻ dư đôi ngũ mới hầu khoan cho

Cấy cày thu đãi thời mùa

Bấy giờ phá ruộng lọ chờ mượn ai

Nhân ra cận duyệt viễn lai

250. Chẳng phiên binh nhọc chẳng nài lương thêm

Xem tượng trời biết đường đời trị

Gấm về sau họ Lý xưa nên

Giòng nhà để thấy dấu truyền

Gấm xem bốn báu còn in đời đời

255. Thần qui cơ nổ ở trời

Để làm thần khí thừa nơi trị trường

Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh

Sông Bảo Giang thiên định ai hay

Lục thất cho biết ngày dầy (rày)

260. Phụ nguyên ấy thực ở giầy (rày) Tào Khê (29)

Có thầy Nhân thập (30) đi về

Tả phụ hữu tri cây cỏ làm binh

Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp

Giúp vạn dân cho đẹp lòng trời

265. Ra tay điều đình hộ mai

Bấy giờ mới biết rằng tài yên dân

Lọ là phải nhọc kéo quân

Thấy nhân ai chẳng mến nhân tim về

Năm giáp tý vẽ khuê đã rạng

270. Lộ Ngũ tinh trình tượng thái hanh

Ân trên vũ thí vân hành

Kẻ thơ ký tuý kẻ canh xuân đài

Bản đồ chẳng sót cho ai

Nghìn năm lại lấy hội nơi vẹn toàn

275. Vững nền vương cha truyền con nối

Dối muôn đời một mối xa thư

Bể kinh tâm lặng bằng tờ

Trắng thanh ai chẳng ợn nhờ gió xuân

Âu vàng khỏe đặt vững chân

280. Càng bền thế nước vạn xuân lâu dài

\*\*\*\*\*

281. Vừa năm nhâm tý xuân đầu

Thanh nhàn ngồi tựa hương câu nghĩ đời

Quyển vàng mở thấy sấm trời

Từ Đinh đổi đời chí lục thất gian (31)

285. Một thời có một tôi ngoan

Giúp trong việc nước gặp an thái bình

Luận chung một tập kim thời

Tướng quyền tử sĩ nam nhi học đời

Trượng phu có chí thời coi

290. Những câu nhiệm nhật đáng đôi nhành vàng

Tài này nên đáng vẻ vang

Biết chừng đời trị biết đường đời suy

Kể từ nhân doãn mà đi (32)

Số chưa gặp thì biết hoà (mà) chép ra

295. Tiếc thay hiền sĩ bao già

Ước bằng Bành Tổ ắt là Thái Công

Thử cho tay giúp ra dùng

Tài này so cùng tài trước xem sao

Trên trời kể chín tầng cao

300. Tai nghe bằng một ti hào biết hay (33)

Hiềm vì sinh phải thời này

Ráp phù mở nước tiếc thay chung đời.

Hợp đà thay thánh nghìn tài

Dáng sinh rủ kiếp quỷ ma nhà trời

305. Nói ra thì lậu sự đời

Trái tai phải lụy tài trai khôn luận

Nói ra ám chúa bội quân

Đương thời đời trị xoay vần đặng đầu.

Chờ cho nhân doãn hết sau ,

310. Đến chừng đời ấy thấy âu nhiều nản

Trời xui những kẻ ắt (34) gian

Kiếp đời đạo thiết làm loạn có hay

Vua nào tôi ấy đã bày

Trên đầu bắt chính dưới nay dấy loạn

315. Đua nhau bội bạn nghịch vi

Ích gia phi kỹ dân thì khổn thay

Tiếc tài gẫm được thời hay

Đã sao như vậy ra tay sẽ dùng

Tài trai có chí anh hùng

320. Muốn làm tướng sủng lập công chưng đời

Khá xem nhiệm nhật tộ trời

Cơ mưu nhiệm nhật mấy trai anh hùng

Đi tìm cho đến đế cung

Ráp phù xuất lực để cung được toàn.

325. Bảo nhau cương kỷ cho tường  
Bốn phương cũng được cho yên trong ngoài  
Chờ cho động đất chuyển trời  
Bấy giờ thánh sẽ nên trai anh hùng  
Còn bên thì nấu chưa xong

330. Nhân lực cướp lấy thiên công những là  
Đời ấy những quỷ cùng ma  
Chẳng còn ở thật người ta đâu mà  
Trời cao đất rộng bao xa  
Làm sao cho biết cửa nhà đế vương

335. Dù trai ai chữa biết tường  
Nhất thổ thời sĩ Khâm Phương thuở này  
Ý ra lực thất gian nay,  
Thời vận đã định thời này hưng vương  
Trí xem nhiệm nhật cho tường

340. Bảo Giang thánh xuất trung ương thuở này  
Vua ngự thạch bàn xa thay  
Đại ngàn vắng vẻ những cây cùng rừng  
Gà kêu vượn hót vang lừng  
Đường đi thổ thể dặm chơn khôn dò

345. Nhân dân vắng mặt bằng tờ  
Sơn lâm vào ở đổ nhờ khôn thay  
Vua còn cuốc nguyệt cày mây  
Phong điều vũ thuận thú rày an dân  
Phong đăng hoà cốc chứa chang

350. Vua ở trên ngàn có ngũ sắc mây  
Chính cung phương khâm vẫn mây  
Thực thay thiên tử là nay trị đời  
Anh hùng trí lượng thời coi  
Công danh chẳng ngại tìm đòi ra đi

355. Tìm lên đến thạch bàn kê  
Có đất sinh thánh bên kia cuối làng  
Nhìn đi nhìn lại cho tường  
Dường như chưa có sinh vương đâu là  
Chẳng tìm thì đến bình gia

360. Thánh chưa sinh thánh báo ca địa bình  
Nhìn xem phong cảnh cũng xinh  
Tả long triều lại có thành đợt vây  
Hữu hổ uấn khúc giang này  
Minh Đường thất diệu trước bày mặt ta.

365. Ở xa thấy một con voi  
Cúi đầu quen bụi trông (35) hồ sau  
Áy điềm thiên tử về châu

Tượng trưng để thánh tộ lâu trị đời  
Song thiên nhật nguyệt sáng soi  
370. Sinh đặng chùa ấy là ngôi chảng cầu  
Đến thời thịnh vượng còn lâu  
Đành đến tam hợp chia nhau sẽ làm  
Khuyên cho Đông Bắc Tây Nam  
Muốn làm tướng sụy thì xem trông này

\*\*\*\*\*

375. Thiên sinh thiên tử ư hỏa thôn  
Một nhà họ Nguyễn phúc sinh tôn  
Tiền sinh cha mẹ đà cách trở  
Hậu sinh thiên tử Bảo Giang môn

\*\*\*\*\*

Kìa cơn gió thổi lá rung cây (36)  
380. Rung Bắc sang Nam Đông tới Tây  
Tan tác kiến kiều an đất nước  
Xác xơ cỏ thụ sạch am mây  
Sơn lâm nổi sóng mù thao cát  
Hưng địa tràng giang hóa nước đầy

385. Một gió một yên ai sùng bái  
Cha con người Vĩnh Bảo cho hay

\*\*\*\*\*

Con mừng búng tít con quay  
Vù vù chong chóng gió bay trên đài  
Nhà cha cửa đóng then cài  
390. Âm âm sấm động hỏi người đông lân  
Tiếc tám lạng thương nửa cân  
Biết rằng ai có dù phần như ai  
Vất tay nằm nghỉ đông dài  
Thương người có một lo hai phận mình.

\*\*\*\*\*

395. Canh niên tàn phá  
Tuất hội phục sinh  
Nhị ngũ dư bình

\*\*\*\*\*

Long hổ xà đầu khởi chiến tranh  
Can qua tứ xứ khởi đao binh  
400. Mã đề dương cước anh hùng tận  
Thân dậu niên lai kiến thái bình. (37)

\*\*\*\*\*

Non đoài vắng vẻ bấy nhiêu lâu  
Có một đàn xà đánh lộn nhau  
Vượn nọ leo cành cho sỉ bóng  
405. Lợn kia làm quái phải sai đầu

Chuột nọ lăm le mong cắn tổ  
Ngựa kia đứng đĩnh bước về tàu  
Hùm ở trên rừng gằm mới dậy  
Tìm về quê cũ bắt ngựa tàu.  
\*\*\*\*\*

410. CỬU CỬU KIỀM KHÔN DĨ ĐỊNH (38)  
Thanh minh thời tiết hoa tàn  
Trực đáo dương đầu mã vĩ  
Hồ binh bát vạn nhập trường an.  
\*\*\*\*\*

Bảo Giang thiên tử xuất  
415. BẮT CHIẾN TỰ NHIÊN THÀNH  
Lê dân đào bảo noãn  
Tứ hải lạc âu ca  
Dục thức thánh nhân hương  
Qua kiều cư Bắc phương  
420. DANH VI NGUYỄN GIA TỬ  
Kim tịch sinh ngư lang  
\*\*\*\*\*

Thượng đại nhân bất nhân  
Thánh ắt dĩ vong ân  
Bạch hổ kim đai ấn  
425. THẮT THẬP CỔ LAI XUÂN  
\*\*\*\*\*

Bắc hữu kim thành tráng  
Nam tạc ngọc bích thành (39).  
Hỏa thôn đa khuyến phệ  
Mục giả dục nhân canh  
\*\*\*\*\*

430. PHÚ QUÍ HỒNG TRẦN MỘNG  
Bàn cùng bạch phát sinh  
Anh hùng vương kiếm kích  
Man cổ đồ thái bình  
Nam Việt hữu Ngư tinh

435. QUÁ THẮT THÂN THỦY SINH  
Địa giới sĩ vị bạch  
Thủy trâm nhi bắc kính  
Ký mã xu dương tẩu  
Phù kê thăng đại minh

440. CHƯ THỬ GIAI PHONG KHỎI  
Thìn mao xuất thái bình  
\*\*\*\*\*

Phân phân tùng Bắc khởi  
Nhiều nhiều xuất Đông chinh

Bảo sơn thiên tử xuất

445. Bất chiến tự nhiên thành

\*\*\*\*\*

Thủy trung tàng bảo cái

Hứa cập thánh nhân hương

Mộc hạ châm châm khẩu

Danh thế xuất nan lường

\*\*\*\*\*

450. Danh vi Nguyễn gia tử

Tinh bản tại Ngưu lang

Mại dữ lê viện dưỡng

Khởi nguyệt bộ đại giang

Hoặc kiều tam lộng ngạn

455. Hoặc ngụ kim lăng cương

Thiên dữ thần thực thụ

Thụ trình ngũ sắc quang

Kim kê khai lựu điệp

Hoàng cái xuất quý phương

460. Nhân nghĩa thủy vi địch.

Đạo đức thủy dữ đương

Tộ truyền nhị thập ngũ

Vận khả ngũ viên trường

Vận đảo dương hầu ách

465. Chấn đoài cương bất trường

Quần gian đạo danh tự

Bách tính khổ tai ương

Can qua tranh đấu khởi

Phạm địch thán hung hoang.

470. Ma vương sát đại quĩ

Hoàng thiên tru ma vương

Kiền khôn phú tái vô lường

Đào viên đỉnh phát quần dương tranh hùng (40)

Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết

475. Đảo Hoàn Sơn tam liệt ngũ phân

Ta hồ vô phụ vô quân

Đào viên tán lạc ngô dân thủ hành.

Đoài phương phúc địa giáng linh

Cửu trùng thụ ứng long thành ngũ vân.

480. Phá điền thiên tử giáng trần

Dũng sĩ nhược hải mưu thần như lâm.

Trần công nãi thị phúc tâm

Giang hồ xử sĩ Đào Tiềm xuất du

Tướng thần hệ xuất y chu

Thứ ky phục kiến Đường ngu thi thành

Hiệu xưng thiên hạ thái bình

487. Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia .

.....

(1). Đao: chỉ họ Lê có chữ đao .Họ Lê lên thay họ Đinh.

(2). Thập bát tử: họ Lý nổi ngôi

(3). Đông A là nhà Trần . Âm vị là con gái. Trần Cảnh lấy Chiêu hoàng là nữ, là vợ truyền ngôi cho chồng.

(4). Kỳ mộc: cây lạ, chỉ họ Lê. Lê Lợi lên ngôi.

(5). Chấn cung nhật hiện: chỉ họ Mạc, vì trong chữ Mạc có chữ nhật.

(6). Cửu thiên hồng nhật: họ Trịnh chữ Trịnh có chữ nhật.

*Kìa liệt vương khí hủ đồ ủng*

*Mặc cường hầu ông ổng tranh khôn*

*Trời sinh ra những kẻ gian*

*Mặc khôn đổi phép, mặc ngoan tham tài.*

Họ Trịnh là cường hầu, lấn áp vua Lê, thay đổi mọi khuôn phép.

(7). Khí hủ: hủ là hư nát trong nghĩa hủ bại. Các bản khác ghi là hư.

(8). riếng: chữ giếng viết sai chính tả. Người Bắc viết sai d,g,r như tự ro, rân chủ, Khánh Giur .

(9). Cưu, nhạn là chim cưu và chim nhạn, nói nhân dân.

(10). Dư đồ chia xẻ: Trịnh Nguyễn phân tranh.

(11). Mối giường: mối giềng.

(12). Đồi: đồi chổi, đồi co: nghĩa là cãi cọ, tranh luận.

(13). Gia: giờ

(14). Mỡ cá: cái mỡ băng gỗ, hình con cá, thôn quê ngày xưa dùng báo hiệu. Điểm tuần: điểm là nơi canh gác, thường là cái chòi tranh để tuần phu ngồi rtrong lúc canh phòng. Tuần là đi rảo xung quanh để xem xét kẻ gian phi.

(15). Từ câu 75-86 nói năm Mậu thân 1788, vua Lê và hoàng thái hậu chạy sang Trung Quốc cầu viện, rồi quân nhà Thanh sang Thăng Long. Năm kỷ Dậu 1789, Nguyễn Huệ đánh tan quân Thanh.

(16). Câu 89-99: Nhà Trịnh mua quan bán tước, làm khổ dân như hai vua Hoàn Đế (146-168) , và Linh Đế 156 – 189) tin dùng hoạn quan, giết hại trung thần, khiến chế độ suy tàn.

(17). Báo thù: Lê Chiêu Thống theo Tôn Sĩ Nghị về, báo ơn báo oán, gây nhiều việc thất đức. Xem Hoàng Lê Nhất Thống Chi và Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.

(18). Câu 100: *Phù Lê diệt Mạc nghĩ dời quân ra . Cát lằm bốn bể can qua . . .Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về .*

Nói việc Nguyễn Huệ ra Bắc lấy cờ phù Lê diệt Trịnh xong lại vào Nam, sau đem quân ra Bắc đánh tan quân Tôn Sĩ Nghị.

(19). Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về: Nguyễn Huệ ra Bắc lại về Thuận Hóa..

(20). Ăn rau ăn rơm: có bản ghi “giới”. Giới là rau, là đồ hèn hạ (rác rưởi, rác rưởi, rác rưởi)

(21). Bung: phát ra, nổ ra, tràn ra.

(22). Nhân kiến : Chỉ Lê Chiêu Thống , 1765 – 1793), tên thật là Lê Duy Khiêm tên là Duy Khiêm. Chữ Khiêm trong có chữ Kiến . Khi Lê Chiêu Thống theo quân Thanh chạy sang Trung Quốc, bỏ Thăng Long, sau đó một thời gian thì Nguyễn Ánh đem binh ra đánh tan Tây Sơn, thống nhất đất nước.

(23). Chỗ viết sai, ch/tr, trở là lộ ra, nở ra (trở bông, trở mã), nghĩa là kéo binh ra.



Thái Tông nhà Mạc, ông có làm 2 bài thơ "Xuân thiên ngự tửu", đều được hạng ưu, rồi thăng chức Hữu Thị Lang Hình Bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả Thị Lang, kiêm chức Đông Các Đại Học Sĩ.

## Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm Sám ký (IV) (\*)

### 1. Cảm đề

1- Thanh nhân vô sự là tiên  
Năm hồ phong nguyệt rủ thuyền buông chơi  
Cơ tạo hoá  
Phép đổi dời  
Đầu non mây khói tỏa  
Mặt nước cánh buồm trôi  
Hương Tần mặc kệ ai xua đuổi  
Lầu Hán trắng lên ngấm mệnh trời  
Tuổi già thua kém bạn  
10- Vãn chương gửi lại đời  
Dở hay nên tự lòng người cả  
Nghiên bút soi hoa chép mấy lời  
Bí truyền cho con cháu  
Dành hậu thế xem chơi

### 2. Sám ký

15- Nước Nam từ họ Hồng Bàng  
Biển dâu cuộc thế, giang sơn đổi dời  
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần thừa trước  
Đã bao lần ngôi nước đổi thay  
Núi sông thiên định đặt bày  
Đồ thư một quyển xem nay mới rành

21- Hoà đao mộc lạc,  
Thập bát tử thành.  
Đông A xuất nhập  
Dị mộc tái sinh.

25- Chấn cung xuất nhật  
Đoài cung vẫn tinh.  
Phụ nguyên trì thống,  
Phế đế vi đình.

29- Thập niên dư chiến,  
Thiên hạ cứu binh.  
Lời thần trước đã ứng linh,  
Hậu lai phải đoán cho mình mới tường.

33- Hoà đao mộc hồi dương sống lại  
Bắc Nam thời thế đại nhiều nhưong.  
Hà thời biện lại vi vương,  
Thử thời Bắc tậ Nam trường xuất bôn.

37- Lê tồn, Trịnh tại,  
Lê bại, Trịnh vong.  
Bao giờ ngựa đá sang sông,  
Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng.  
Hà thời thạch mã độ giang.  
Thử thời Vĩnh Lại nghênh ngang công hầu.

43- Chim bằng cát cánh về đâu?  
Chết tại trên đầu hai chữ quận công.  
Bao giờ trúc mọc qua sông,  
Mặt trời sẽ lại đổ hồng non Tây.

47- Đoài cung một sớm đổi thay,  
Chấn cung sao cũng sa ngay chẳng còn.  
Đầu cha lộn xuống chân con,  
Mười bốn năm tròn hết số thời thôi.

51- Phụ nguyên chính thống hẳn hoi,  
Tin dê lại phải mắc mồi đàn dê.  
Dục lòng chim chích u mê,  
Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm.

55- Đẻ loại quỳ bạch Nam xâm,  
Làm cho trăm họ khổ trầm lưu ly  
Ngai vàng gặp buổi khuyh nguy  
Gia đình một ở ba đi dần dần.  
Cho hay những gã công hầu,  
Giàu sang biết gửi nơi đâu chuyến này.

61- Kia kìa gió thổi lá rung cây  
Rung Bắc, rung Nam, Đông tới Tây  
Tan tác kiến kiêu an đất nước  
Xác xơ cỏ thụ sạch am mây.

65- Lâm giang nổi sóng mù thao cát,  
Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy.  
Một ngựa một yên ai sùng bái?  
Nhấn con nhà vĩnh bảo cho hay.

69- Tiền ma bạc quý trao tay  
Đồ, Môn, Nghệ, Thái dấy đầy can qua,  
Giữa năm hai bảy mươi ba,  
Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây.

73- Ròng nằm bề cận dễ ai hay,  
Rấn mới hai đầu khó chịu thay,  
Ngựa đã gác yên không người cưỡi  
Đê không ăn lộc ngoảnh về Tây.

77- Khi nọ ôm con ngòi khóc máu  
Gà kia vỗ cánh chập chùng bay  
Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa  
Ăn no ủn ỉn lợn kêu ngày.

81- Nói cho hay khảm cung ong dậy,  
Chí anh hùng biết đấy mới ngoan.  
Chữ rằng lục, thất nguyệt gian  
Ai mà giữ được mới nên anh tài.

85- Ra tay điều độ hộ mai  
Bấy giờ mới rõ là người an dân  
Lộ là phải nhọc kéo quân,  
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tim về.

89- Phá điền than đến đàn dê  
Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng  
Dê đi dê lại tuần luôn  
Đàn đi nó cũng một môn phù trì

93- Thương những kẻ nam nhi chí cả  
Chớ vội sang tất tả chạy rong  
Học cho biết chữ cát hung  
Biết phương hướng đứng chớ đứng làm chi  
Hễ trời sinh xuống phải thì  
Bất kỳ nhi ngộ tưởng gì đợi mong.

99- Kia những kẻ vội lòng phú quý

Xem trong mình một tí đều không  
Ví dù có gặp ngư ông  
Lưới dăng đâu dễ nên công mà hồng.

103- Khuyên những đáng thời trung quân tử  
Lòng trung nghi nên giữ cho mình  
Âm dương cơ ngẫu hộ sinh  
Thái Nhâm, Thái Ất trong mình cho hay.  
Chớ vật vờ quen loài ong kiến  
Hư vô bàn miệng tiếng nói không.

109- Ô hô thế sự tự bình bồng  
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông  
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch  
Kính ngư hải ngoại huyết lưu hồng.  
113- Kê minh ngọc thụ thiên khuynh bắc  
Ngưu xuất lam điền nhật chính đông  
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng  
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.

117- Ngõ may gặp hội mây rồng  
Công danh rạng rỡ chép trong vân đài  
Nước Nam thường có thánh tài  
Sơn hà đặt vững ai hay tỏ tường?

121- So mấy lẽ dễ tàng kim quý  
Kể sau này ngư bi được coi  
Đôi phen đất lở, cát bồi  
Đó đây ong kiến, dậy trời quý ma

125- Ba con đòi lấy một cha  
Làm cho thiên hạ xót xa vì tiền  
Mão Thìn Tí Ngọ bất yên  
Đợi tam tứ ngũ lai niên cùng gần.

129- Hoành Sơn nhất đái  
Vạn đại dung thân  
Đến thời thiên hạ vô quân  
Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành.

133- Gà kêu cho khi dậy nhanh  
Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung  
Thiên sinh hữu nhất anh hùng  
Cứu dân độ thế trừ hung diệt tà.

137- Thái Nguyên cận Bắc đường xa

Ai mà tìm thấy mới là thần minh

Uy nghi dung mạo khác hình

Thác cư một góc kim tinh non đoài

141- Cùng nhau khuya sớm chăn nuôi

Chờ cơ mới sẽ ra đời cứu dân

Bình thư mấy quyển kinh luân

Thiên văn địa lý, nhân dân phép màu

145- Xem ý trời ngõ hầu khải thánh

Dốc sinh ra điều đình hộ mai

Song thiên nhật nguyệt sáng soi

Thánh nhân chẳng biết thì coi như tường

149- Thông minh kim cổ khác thường

Thuần Nghiêu là trí, Cao Quang là tài

Đáng hiên ngang nào ai biết trước

Tài lược thao uyên bác vũ văn

Ai còn khoe trí khoe năng

Cấm kia bắt nọ hung hăng với người.

155- Chưa từng thấy nay đòi sự lạ

Chốc lại mòng gá vạ cho dân

Muốn bình sao chẳng lấy nhân

Muốn yên sao lại bắt dân ghê mình?

159- Đã ngu dại Hoàn, Linh đòi Hán

Lại đua nhau quần thần đồ lễ

Chức này quyền nọ say mê

Làm cho thiên hạ khôn bề tựa nương

Kẻ thì phải thưở hung hoang

Kẻ thì bận của bổng toan, khốn mình

165- Cứu cứu cần khôn dĩ định

Thanh minh thời tiết hoa tàn

Trực đáo dương đầu mã vĩ

Hồ binh bát vạn nhập Trảng An

169- Nực cười những kẻ bàng quang

Cờ tam lại muốn toan đường chống xe

Lại còn áo mũ xun xoe

Còn ra xe ngựa màu mè khoe khoang.

173- Ghê thay thau lẫn với vàng

Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng

Thánh ra tuyết tán mây tan

Bây giờ mới sáng rõ ràng nơi nơi.

177- Can qua, việc nước bời bời  
Trên thuận ý trời, dưới đẹp lòng dân  
Oai phong khắp quỳ kinh thần  
Nhân nghĩa xa gần bách tính ngợi ca

181- Rừng xanh, núi đỏ bao la  
Đông tàn, Tây bại sang gà mới yên  
Sửu Dần thiên hạ đảo điên  
Ngày nay thiên số vận niên rành rành.

185- Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh  
Can qua xú xú khổ đao binh  
Mã đề dương cước anh hùng tận  
Thân đậu niên lai kiến thái bình

189- Sự đời tính đã phân minh  
Thanh nhân mới kể chuyện mình trước sau  
Đầu thu gà gáy xôn xao  
Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long.

193- Chó kêu ầm ĩ mùa đông  
Cha con Nguyễn lại bé bỏng nhau đi  
Lợn kêu tinh thể lâm nguy  
Quý vương chết giữa đường đi trên gò

197- Chuột sa chĩnh gạo nằm chơi  
Trâu cày gốc lại chào đời bước ra  
Hùm gầm khắp nẻo gần xa  
Mèo kêu rợn tiếng, quỷ ma toi bời.

201- Rồng bay năm vẻ sáng ngời  
Rắn qua sửa soạn hết đời sa tăng  
Ngựa hồng quỳ mới nhãn răng  
Cha con dòng họ thầy tăng hết thời

205- Chín con rồng lộn khắp nơi  
Nhện giăng lưới gạch đại thời mắc mưu  
Lời truyền để lại bấy nhiêu  
Phương đoài giặc đã đến chiều bại vong  
Hậu sinh thuộc lấy làm lòng  
Đến khi ngộ biến đường trong giữ mình.

211- Đầu can Võ tướng ra binh  
Ắt là trăm họ thái bình âu ca

Thần Kinh Thái Ất suy ra  
Đề dành con cháu đem ra nghiệm bàn

215- Ngày thường xem thấy quyển vàng  
Cửa riêng bảo ngọc để tàng xem chơi  
Bời Thái Ất thấy lạ đời  
Ấy thuở sấm trời vô giá thập phân

219- Kể từ đời Lạc Long Quân  
Đáp đổi xoay vần đến lục thất gian  
Mỗi đời có một tội ngoan  
Giúp chung nhà nước dân an thái bình

223- Phú quý hồng trần mộng  
Bản cùng bạch phát sinh  
Hoa thôn đa khuyến phệ  
Mục già giục nhân canh  
Bắc hữu Kim thành tráng  
Nam hữu Ngọc bích thành  
Phân phân từng bách khởi  
Nhiều nhiều xuất đồng chinh  
Bảo giang thiên tử xuất  
Bất chiến tự nhiên thành

233- Rồi ra mới biết thánh minh  
Mừng đời được lúc hiển vinh reo hò  
Nhị Hà một dải quanh co  
Chính thực chốn ấy để đồ hoàng bào  
Khấp hoà thiên hạ nao nao  
Cá gặp mưa rào có thích cùng chãng?

239- Nói đến độ thầy tăng mở nước  
Đám quỷ kia xuôi ngược đến đâu  
Bấy lâu những cậy phép màu  
Bây giờ phép ấy để lâu không hào

243- Cũng có kẻ non trèo biển lội  
Lánh mình vào ở nội Ngô Tề  
Có thầy Nhân Thập đi về  
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh

247- Những người phụ giúp thánh minh  
Quân tiên xướng nghĩa chẳng tàn hại ai  
Phùng thời nay hội thái lai  
Can qua chiến trận để người thưởng công

251- Trẻ già được biết sự lòng  
Ghi làm một bản để hòng giờ xem  
Đời này những thánh cùng tiên  
Sinh những người hiền trị nước an dân

255- Đây những lúc thánh nhân chưa lại  
Chó còn nằm đầu khải cuối thu  
Khuyên ai sớm biết khuông phù  
Giúp cho thiên hạ Đường, Ngu ngỗ hầu.

259- Cơ tạo hoá phép màu khôn tỏ,  
Cuộc tàn rồi mới tỏ thấp cao.  
Thấy sấm từ đây chép vào  
Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa

.....  
(\* Sấm ký ở bản A có 262 câu, gồm 14 câu “cảm đề” và 248 câu “sấm ký” là gốc của bản Quốc ngữ Hoàng Xuân và Thời Tập. Bản AB.444 Viện Hán Nôm gốc của bản quốc ngữ Mai Lĩnh.

Nguồn: <http://bacsikhiem.jimdo.com/tản-văn/trang-thơ-văn/sấm-ký-trạng-trình/>

## 2. Nghệ thuật thơ chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm

### NGUYỄN HUỆ CHI

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) là một tác gia lớn mà sự nghiệp bao trùm gần hết thế kỷ XVI. Với tư cách nhà thơ, ông sáng tác cả thơ chữ Hán và thơ Nôm. Nhưng nếu thơ Nôm của ông có khá nhiều bài lẫn lộn với thơ Nôm Nguyễn Trãi (1380-1442), đến nay vẫn chưa thể tách bạch, thì thơ chữ Hán của ông lại mang những đặc điểm khác với thơ chữ Hán Nguyễn Trãi và cũng khó trùng lẫn với thơ chữ Hán của bất kỳ ai. Nét riêng khu biệt thơ chữ Hán Nguyễn Bình Khiêm đã được giới học giả bàn nhiều, nhất là từ hướng tiếp cận nội dung tư tưởng. Lần này, xin thử góp thêm một đôi

điều về hình thức nghệ thuật.

Với số lượng 1.000 bài thơ như chính Nguyễn Bình Khiêm viết trong lời Tựa Bạch Vân am thi tập, có thể nói ngay rằng ông là người sở trường về thơ chữ Hán, và ông gửi gắm tâm sự “cứu thế” cũng như tinh lực sáng tạo trước hết vào thơ chữ Hán chứ không phải thơ Nôm. Có điều, trong tiến trình phát triển của thơ ca dân tộc, do sớm chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ và văn học Trung Quốc, lại được đào luyện chu đáo ở các trường học chữ Hán, nên dòng thơ Hán - Việt đã xuất hiện từ rất sớm và cũng thành thực từ khá lâu trước Nguyễn Bình Khiêm. Là người làm thơ chữ Hán, Nguyễn Bình Khiêm chỉ kế thừa truyền thống tốt đẹp đó và phát triển lên chứ không có gì phải khổ công mò mẫm, tìm tòi như trong phần thơ tiếng Việt. Tất nhiên, mọi thành tựu rực rỡ của quá khứ không phải bao giờ cũng có tác động thuận lợi đối với tâm lý sáng tạo của nghệ sĩ. Thông thường mới bước chân vào làng thơ, nhìn vào bề dày của lịch sử, người ta dễ cảm thấy ngợp và nếu không phải là người có bản lĩnh, ít ai dám thách thức với những đỉnh cao sừng sững che rợp tầm mắt mình. Giỏi lắm, người ta cũng chỉ làm theo người trước một cách thụ động là cùng. Thơ Nguyễn Bình Khiêm có những mặt quá đúng như vậy, nhưng cũng có mặt không hoàn toàn như vậy. Có hứng thú làm đến 1.000 bài, một số lượng mà cho đến thời của ông hình như vẫn chưa ai đạt đến (1), người nghệ sĩ trong Nguyễn Bình Khiêm chắc hẳn từ rất sớm đã được bồi dưỡng một năng khiếu và một cảm hứng sáng tạo mạnh mẽ. Mặt khác, chắc hẳn ông cũng đã tắm gội trong ngọn nguồn của các dòng thơ quá khứ, tiếp xúc với các phong cách tiêu biểu, trên cơ sở đó lựa chọn con đường đi riêng cho mình. Ta sẽ thấy Nguyễn Bình Khiêm tuy rất gần Nguyễn Trãi trong phong cách thơ Nôm nhưng trong thơ chữ Hán của ông, ông đã không lựa chọn hình thức biểu đạt kỳ vĩ để nói lên vẻ đẹp hùng tráng của thiên nhiên, cũng không bộc bạch trực diện thân phận riêng của mình như trong thơ chữ Hán Nguyễn Trãi. Ông có phần gần gũi với phong thái hồn hậu trong thơ Lý - Trần, mặc dầu chưa bao giờ thơ ông đạt được vẻ tự nhiên tươi tắn của thơ Lý - Trần, và cũng không lắng đọng lại trong thơ cái màu sắc “sắc không” uyển chuyển của nhà Phật vốn là chiều sâu triết lý của thơ Lý - Trần. Nguyễn Bình Khiêm cũng có những mặt tiếp thu phong cách trường thơ Nguyễn Bảo (1452-?), Thái Thuận (1441-?) ở thế kỷ XV với những nét khắc họa bình đạm, giản dị khung cảnh sông núi, đồng ruộng, làng quê...

Nếu xét về đề tài thì thơ chữ Hán Nguyễn Bình Khiêm nói chung bao quát ba loại đề tài lớn: ngôn chí, tả cảnh, vịnh vật. Đó cũng là những đề tài truyền thống của nhà nho chứ không có gì mới mẻ. Thêm nữa, trong thơ ông, ba loại đề tài này cũng không tách bạch mà có xu hướng hòa trộn vào nhau, trong đó đề tài “ngôn chí” hầu như len lỏi vào mọi hình thức khác. Điều này cũng là dễ hiểu, bởi Nguyễn Bình Khiêm vốn xuất thân từ cửa trường Khổng Mạnh, mà đối với lớp người này, hoạt động thi ca bao giờ cũng là phương thức cao quý để người quân tử tỏ bày chính kiến của mình. “Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quân... cận chi sự phụ mẫu, viễn chi sự quân...”. Cho nên

không thể cầu thả hay tùy hứng trong nghệ thuật làm thơ. Sự quy định chặt chẽ của một quan niệm như trên khiến cho Nguyễn Bình Khiêm dù cố gắng đến đâu cũng không thể thoát khỏi tính tượng trưng, ước lệ trong quá trình sáng tác. Hình thức “ý tại ngôn ngoại” trong thơ ông vẫn là phổ biến. Ông tả cảnh hay vịnh vật đấy mà thực chất là để nói lên một hoài bão, gửi gắm một suy nghĩ, tâm tình không liên quan gì đến đối tượng mà ông miêu tả. Ông không quan tâm đến tính chân thực cần có của sự tái hiện thẩm mỹ, vì ông không thấy có nhu cầu phải mô tả vẻ đẹp tự nó của đối tượng như là một mục đích trọn vẹn của thi ca. Về điểm này, thơ vịnh vật của Nguyễn Bình Khiêm có phần gắn với trường phái Tao đàn Hồng Đức dưới thời Lê Thánh Tông, và những đề tài “quả dưa”, “cây đa”, “con ve”, “cây khoai”... của ông thật ra chẳng hề đem lại cho ta một cảm hứng khách quan đúng đắn nào về những sự vật được ông nhắc tới. Chúng giữ vai trò của những biểu tượng thuần túy. Mà cốt lõi trung tâm của loạt biểu tượng này trước sau cũng vẫn quy tụ vào một hình ảnh: bậc đại nhân, người ẩng dật, kẻ sĩ quân tử.

Nói về thể tài, thơ chữ Hán Nguyễn Bình Khiêm chủ yếu chia thành hai loại: thơ Đường luật và thơ cổ phong. Trong thơ Đường luật, ông sáng tác cả thất luật và ngũ luật, nhưng thơ thất luật chiếm số lượng trội hơn. Còn trong thơ cổ phong, hầu như ông chỉ dùng ngũ ngôn là chính.

Nguyễn Bình Khiêm là người làm thơ Đường thành thạo. Nhiều bài thơ Đường luật của ông giàu kỹ xảo điệp từ và đối thanh, đối ý rất chỉnh, mà lại không hề có chút gò gẫm, chứng tỏ ông nhập vào môi trường thơ Đường một cách thân thuộc như cá sống trong nước, chứ không phải là một thợ thơ.

Ông rất hay dùng từ điệp ở câu đầu và câu thứ hai của bài thơ, làm cho người đọc vừa đọc vào thơ ông đã phải chú ý đến một sự khác thường về nhạc điệu. Cách dùng từ điệp của ông cũng khá giản dị, tưởng chỉ là thuận miệng mà nói ra như vậy, kỳ thực là cái giản dị của một bậc đại bút. Mỗi chữ lặp đều mở ra một trường liên tưởng rộng rãi, vừa đăng đối, trùng điệp về hình ảnh:

Bán thôn y thị, bán nhân hương

(Ngụ hứng, bài 1)

Bạch Vân am bạng bạch vân hương

(Tự thuật, bài 3)

vừa có âm thanh lạnh lạnh của khe suối:

Vân am, am cận tiểu Khê tuyên

(Ngự hứng, bài 10)

lại vừa là cái khoái ý ngân lên trong tâm hồn:

Mịch đặc thôn Khê, địa nhất thiên,  
Nhàn lai ngô diệc lạc ngô thiên.

(Ngự hứng, bài 4)

Thùy gia huyền quán túy phong lưu,  
Tranh tự du nhàn mịch thắng du.  
(Trung tâm quán ngự hứng, bài 5)  
Thiền quang thực úc cấp giai thần,  
Tối ái kim xuân thắng tích xuân.  
(Át Sửu tân xuân hý tác)

Có khi từ điệp được Nguyễn Bình Khiêm dùng tả trong những cặp câu đối, không chỉ có tác dụng lặp lại từ ngữ mà còn gây tương phản về âm hưởng, như những tiếng vọng xa gần của đời sống dội lại, tăng thêm sức động của từng cặp sóng đối giữa cảnh với người:

Ngư chu viễn hướng ngư Khê bạc,  
Dã tốc hương tòng dã khách lai.  
(Thuyền cá chiều về khe cá bạc,  
Rau quê hương tiễn khách quê chơi.) (\*)  
(Trung Tâm quán ngự hứng, bài 1)

Cũng có khi từ điệp được tác giả đặt liên tiếp thành chuỗi trong gần suốt một bài, gọi cái ý triển miên bất tận và sự xoắn quện của dòng tư tưởng:

Nhân thôn quán tây nam,  
Giang thủy quán tây bắc.  
Trung hữu bán mẫu viên,  
Viên hữu Vân am trắc.  
Luân chuyển trần bất đáo,  
Hoa trúc thủ tự thực.  
Trượng lý tập hoa hương,  
Trần lạc xâm hoa sắc.  
Điều thổ phan trà yên,

Ngư thôn tảo nghiên mặc.  
Khiến hướng nhậm thi cuồng,  
Phù suy đa tửu thực.  
Nhân xảo ngã độc chuyết,  
Thùy tri chuyết thị đức.  
Ngã chuyết nhân giai xảo,  
Thùy tri xảo thị tặc.  
Kiền thôn tĩnh lý suy,  
Kim cổ nhân trung đắc  
Hiểm, mạc hiểm thế đồ,  
Bất tiền, tiện kinh cức.  
Nguy, mạc nguy nhân tâm,  
Nhất phóng tiện quý quốc.  
Quân tử câu sở chi,  
Chí thiện tư vi cức

(Trung Tân ngụ hứng)

Bên cạnh nghệ thuật điệp từ, việc xây dựng các cặp câu đối cũng là một sở trường của Nguyễn Bình Khiêm, và hình như tiêu điểm của các cặp câu đối này là nhắm vào một hình tượng đột xuất – “ông nhàn”:

Cao khiết thùy vi thiên hạ sĩ?  
An nhàn ngã thị địa trung tiên.

(Trong sạch trên đời ai kẻ sĩ?  
An nhàn giữa cõi ấy ta tiên.)(\*  
Ngụ hứng, bài 10)

“Ông nhàn” ấy, đặt trong thế chiếu ứng qua lại của gió trăng hoa cỏ, càng tôn thêm phong độ tiên cốt:

Hiểu lâm thái phổ sương niêm lý  
Dạ phiếm ngư ky nguyệt mãn thuyền.

(\*) Hữu Thế dịch.

(1) Trong bài Trung Tân quán ngụ hứng, số 8, Nguyễn Bình Khiêm còn có một câu: “Thi tá oanh hoa thiên thủ hữu” nghĩa là: “Thơ mượn được cảnh chim oanh và hoa, nghìn bài cũng có”, ngữ khí câu này cho thấy lòng tự tin của ông đối với bút lực mình.

(Vườn rau sáng dạo sương đầy dếp,  
Bến cá đêm trắng bóng lọt thuyền.) (\*)

(Ngụ hứng, bài 4)

Ngay cả màu sắc cũng được vận dụng đối chọi, nhằm mở rộng không gian vũ trụ của người ở ẩn:

Sơn đối thu dung thanh chuyển sấu,  
Giang hàm nguyệt ảnh bạch tương sai.  
(Núi nhuộm sắc thu xanh nhạt vẻ,  
Sông in bóng nguyệt trắng lồng đôi.) (\*)

(Ngụ hứng, bài 8)

Trong các cặp câu đối Nguyễn Bình Khiêm còn chú ý đến biện pháp đảo trang, gây cho ngữ điệu câu thơ một ấn tượng mạnh. Cả hai cặp câu đối trong Ngụ hứng, bài 10 (đã dẫn hai câu ở phần trên) đều dùng biện pháp đảo trang đó. Có thể phân cách các từ đảo trang ở mỗi câu bằng hai chấm để thấy rõ dụng ý nghệ thuật của tác giả:

Cao khiết: thùy vi thiên hạ sĩ?  
An nhàn: ngã thị địa trung tiên.  
Văn hương tam kính: Đào Bành Trạch,  
Phá ốc sở gian: Lư Ngọc Xuyên.  
(Trong sạch: trên đời ai kẻ sĩ?  
An nhàn: giữa cõi ấy ta tiên.  
Cúc thơm ba khóm: Đào Bành Trạch,  
Nhà nát vài gian: Lư Ngọc Xuyên.) (\*)

Hữu Thế dịch

Rõ ràng, không thể không thừa nhận trong khuôn khổ một thể thơ niêm luật chặt chẽ như thơ Đường, Nguyễn Bình Khiêm đã biết cách phát huy cá tính sáng tạo của mình để có được những tìm tòi nhất định. Nhưng điều đáng nói ở đây là nếu từ một góc nhìn sâu hơn, nhìn vào đặc trưng thi pháp, nó mới là linh hồn của thi ca, thì thơ Đường của Nguyễn Bình Khiêm lại không mang phong vị thơ Đường bao nhiêu. Nếu thơ Đường số lớn là thơ tâm trạng, trong đó chủ thể thẩm mỹ thông qua cảnh vật để tự bộc lộ mình, thì thơ ông nói chung là thơ ngôn chí, mà chí ở đây là chí của người quân tử trong mọi trường hợp hành, tàng, xuất, xử. Nếu thơ Đường là thơ tương phản động

- tĩnh thì thơ ông là thơ trung hòa động - tĩnh:

Công danh bất hệ nhất ngư chu,  
Liêu hướng điền viên mịch thặng du.  
Tài cúc đình tiền vô tục khách,  
Cán y khê ngoại hữu thanh lưu.  
(Công danh hờ hững chiếc thuyền không,  
Cảnh thặng tìm về thú ruộng đồng.  
Sân cúc lại qua không khách tục,  
Khe liêm tắm giặt sẵn dòng trong.)

(Nguyễn Văn Bách dịch)  
(Ngụ hứng, bài 3)

Nếu trong thơ Đường luôn luôn có hai điểm nhìn đối sánh: điểm nhìn hướng ngoại là sự xạ ảnh của điểm nhìn hướng nội, thì trong thơ ông, chiều hướng khách thể hóa tâm trạng lại dẫn đến sự hợp nhất của hai điểm nhìn. Và nếu thơ Đường thu hút người đọc ở một kết cấu "khép", một nhân vật mở ra ở đầu bài thơ và mất hút trong cô đơn, không gian và thời gian đều là những ám ảnh tâm linh của cá thể cô đơn đó, thì thơ ông lại là một kết cấu "khép - mở", gợi lên hình ảnh một con người ung dung tự tại, trong sự hài hòa của một không - thời gian hiện hữu.

Tế nịch phủ nguy quý bất tài,  
Cổ hương hữu ước trung quy lai.  
Khiết thân chỉ khùng thanh danh đại,  
Kịch túy na tri lão bệnh thôi.  
Sơn đới thu dung thanh chuyển sáu,  
Giang hàm nguyệt ảnh bạch tương sai.  
Cơ quan liễu khước đồ vô sự,  
Tân quán sài môn tận nhật khai.  
(Tài mọn khôn lo liệu việc đời,  
Hẹn hò vườn cũ hãy về thôi.  
Sạch mình luống sợ thanh danh lớn,  
Say khướt nào hay lão bệnh rồi.  
Núi nhuộm sắc thu xanh nhạt vẻ,  
Sông in bóng nguyệt trắng lòng đôi.  
Thản nhiên vô sự lòng không vương,  
Tân quán ngày đêm mở cửa hoài.)

(Hữu Thế dịch)  
(Ngụ hứng, bài 8)

Thơ Nguyễn Bình Khiêm là tiếng nói của "cái ta" đạo lý chứ chưa bao giờ đạt đến "cái tôi" cá thể. Ông không giành được cho mình một nghệ thuật say người như thơ Đường. Tuy vậy, những phản mã thơ Đường do ông sáng tạo cũng chứng tỏ một sự vật lộn bèn bĩ của nghệ thuật thơ ca cổ điển dân tộc để không rơi vào chỗ mô phỏng. Điều này càng cho thấy vận mệnh của dòng thơ Hán - Việt trong hàng trăm năm trước đã không bị lệ thuộc hoàn toàn vào những ảnh hưởng to lớn mà nó tiếp thu ở dòng thơ chữ Hán nước ngoài, mà luôn luôn tùy thuộc vào sức sống của chính nó, là điều kiện để chuyển hóa và thanh lọc những gì mà nó tiếp thu, và để cách tân, sáng tạo theo đúng quy luật vận động nội tại.

Nhưng ngoài những bài thơ Đường luật, còn phải nói đến phần thơ ngũ ngôn cổ phong của Nguyễn Bình Khiêm. Sáng tác theo thể cổ phong thì nhiều nhà thơ trước Nguyễn Bình Khiêm đã từng thể nghiệm. Thời Lý - Trần có Trần Tung (1230-1291), Trần Minh Tông (1300-1357)... Thời Lê sơ có Nguyễn Trãi, Nguyễn Bão... Họ viết những bài thơ theo thể này nhằm biểu đạt cảm hứng phóng khoáng về những đề tài khó lòng dung nạp hết trong một bài Đường luật. Cảm hứng Thiên của Trần Tung là một bằng chứng khá rõ: những giờ phút ngộ đạo của vị cư sĩ họ Trần đã gây nên trong ông một niềm phấn hứng mạnh mẽ, buộc ông phải mở rộng dung lượng cảm xúc, và kết quả là một loạt bài thơ trường thiên, trường đoản cú, niêm luật không câu thúc ra đời. Nguyễn Bình Khiêm có lẽ cũng ở vào trường hợp này.

Như vậy, nói đến nghệ thuật trong thơ chữ Hán Nguyễn Bình Khiêm, việc xem xét vị trí của thể thơ có một ý nghĩa quan trọng tương đối. Nhà thơ sáng tác thể thơ này hay thể thơ kia chủ yếu là do yêu cầu chuyển tải cảm hứng. Hình thức nào chuyển tải đạt nhất mạch cảm hứng của tác giả là hình thức tối ưu trong sáng tạo. Nguyễn Bình Khiêm đã sống trong môi trường thơ Đường luật như cá sống trong nước, đã cùng lúc biểu hiện trong thơ Đường luật cả hai con người xuất thế và nhập thế, nhưng cái lõi cốt yếu thì vẫn là kiểu người ung dung tự tại, vượt lên trên mọi thể thái nhân tình. Dĩ nhiên, thời cuộc rối ren phức tạp không cho phép ông dừng ở đây. Khuôn khổ chật hẹp của thơ Đường luật ràng buộc tâm suy nghĩ của ông. Ông đành phải "phá rào", tìm đến thể ngũ ngôn trường thiên thay cho thể thơ Đường luật để mở rộng dung lượng phản ánh của tác phẩm, trong đó ông đối diện trực tiếp với thế sự và trở thành nhà phê bình thế sự.

Chính vì thế, trở lại với thể thơ Đường luật của Nguyễn Bình Khiêm để soi nhìn từ một góc độ khác, ta dường như lại khám phá thêm một điểm mới: ngay ở phần thơ này, tính thuần nhất về tư tưởng đã bị vi phạm ở một số khá nhiều bài. Nguyễn Bình Khiêm là con người luôn luôn băn khoăn trăn trở giữa xuất thế và nhập thế. Hai con người ấy đều tồn tại mọi nơi mọi lúc ở trong ông, chúng cứ chuyển hóa lẫn nhau một cách không tự giác, và đi vào cảm hứng sáng tạo đã đưa ông đến trạng huống lúc nào

cũng như bị giằng níu, phân đôi, tự phản tỉnh đối với mình. "Xuất thế" mà lại "nhập thế", "nhập thế" nhưng trong chiều sâu tâm tưởng vẫn có một khoảnh trời "xuất thế" - đó là kết cấu "nghịch đảo", là sự đan cài của hai lớp nghĩa trái ngược thường thấy trong nghệ thuật thơ chữ Hán của ông.

Hãy thử đọc một bài thơ Ngũ húng số 2. Đây là tâm thế an nhàn, tìm lãng quên mình trong cảnh vật của tác giả. Tác giả hiện ra trong tư cách một ông già, ngồi ngắm cảnh chiều trước chén rượu chênh choáng, và tưởng chừng ngoài trời chiều, dòng sông, tiếng hát thuyền chài, gió, cây, hoa, cỏ ra thì không còn biết đến gì nữa:

Giang quán đặng lâm nhật hướng tà,  
Thừa hàn bả tửu thính ngư ca.  
Bán thiên lương đệ thanh phong hảo,  
Lưỡng ngạn tình thiên lục thụ đa.  
Húng kịch dã tình thiên ái cúc,  
Túy nùng lão nhân dị sinh hoa.  
(Giang quán tiêu dao bóng xế tài,  
Thừa nhàn chuốc rượu, lắng ngư ca.  
Một cơn gió thoảng trời man mát,  
Hai rặng cây xanh lá rượm rà.  
Lúc húng, húng xui lòng mến cúc,  
Chén say, say khướt mắt nhòe hoa.) (\*)

Ngô Lập Chi dịch

Nhưng đột nhiên, đến hai câu kết, người làm thơ bỗng như chợt tỉnh khỏi cơn say sưa vô thức đó. Cả một câu hỏi nghiêm túc đặt ra đưa Nguyễn Bình Khiêm trở lại đối mình với hiện thực:

Hà thời tái đồ Đường Ngu trị?  
Y cự kiên khôn nhất thái hòa  
(Bao giờ lại thấy đời Nghiêu Thuấn  
Xoay lại kiên khôn buổi thái hòa?) (\*)

Ngô Lập Chi dịch

Thì ra ông có say đâu. Ông đang rất tỉnh trong cơn say. Không ít bài thơ khác của ông đều được cấu tạo theo hình thức "lật ngược tình thế" như trên. Nghệ thuật xây dựng hai câu kết ở đây đóng vai trò quan trọng. Hai câu kết bao giờ cũng là một mệnh đề chuyển chiết. Bài Ngũ húng số 1:

Bán y thôn thị, bán nhân hương,  
Trung hữu trì viên nhất mẫu cường.  
Am quán trường nhân xuân bất lão,  
Giang sơn nhập họa bút sinh hương.  
Thanh lưu tá hưởng cầm thanh nhuận,  
Cổ mộc lưu âm khách mộng lương.  
(Một bên quê chợ một bên làng,  
Hơn mẫu vườn ao cũng rảnh rang.  
Am quán thư nhân xuân mãi thắm,  
Giang sơn như họa bút sinh hương.  
Dòng tuôn vang vọng cung cầm đượm,  
Bóng cả che râm mộng khách vương.)

(Hữu Thế dịch)

Mạch cảm hứng của bài thơ tưởng chừng sẽ đưa nhà thơ đắm sâu vào cõi mộng, ai mà chẳng phải tin như vậy. Nhưng không, ông chỉ vờ ngủ đây thôi, bởi hai câu kết tiếp liền theo cho thấy ông rất tự ý thức về vị trí "tư vấn" của mình: có một tiếng cười tự đắc ngậm đang muốn bật ra, ẩn sau đôi mắt nhìn đời lạc quan của tác giả:

Thặng hỷ tư vấn thiên vị táng,  
Chí kim hạnh đắc bộc thu dương.  
(Mừng thấy "tư vấn" trời chẳng bỏ,  
Đến nay vẫn tắm ánh dương vàng. (\*))

Và nếu trình tự "say - tỉnh" đã hầu thành quy luật, tạo nên các đột biến nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bình Khiêm như ta vừa dẫn, thì cũng một dạng đột biến, như thế nhưng theo trình tự ngược lại, lại diễn ra một cách lý thú ở những bài thơ mang cảm hứng nhập thế của ông. Ở những bài loại này, người đọc dễ dàng nhận ra cái bông bột, hăng say của nhà thơ khi ông xuất phát từ chỗ đứng của một con người dấn mình vào thời cuộc. Ông được vua Mạc mấy lần mời tham gia tòng chinh dẹp loạn, và nổi phẫn uất trước tình cảnh "Đảo huyền dân cử ly hung ngược" (Bị treo ngược, lâu nay dân sa vào tay bọn hung tàn) biến ông thành con người xông xáo, không từ nan bất cứ việc gì:

Lão lai tương dữ cường tòng hung,  
Diệt tặc do hoài báo quốc trung.  
Mạo tuyết na từ thiên lý viễn,  
Ưu thời ưng ký nhất tâm đồng.  
(Tuổi già gắng gỏi việc binh hung,

Giết giặc mong vì nước dốc trung.  
Gội tuyết dăm từ nghìn dặm thắm,  
Lo thời ghi tạc một lòng chung.)

(Lỗ Công dịch)

(Giản đồng sai Nghĩa Trai bá, Hoàn Trung hầu)

Có lúc con người già nua ấy còn quên cả tuổi già, nghĩ đến trách nhiệm lớn lao, hồn nhiên cất lên tiếng hát để tỏ bày tráng chí:

Chi kỳ thế phục cừu sơn hà,  
Khẳng khái đặng chu phát hạo ca.  
(Định kỳ khôi phục núi sông xưa,  
Khẳng khái lên thuyền cất tiếng ca)

(Hữu Thế dịch)

(Thủy hành phó doanh cảm tác)

Nhưng sau tất cả những lời lẽ và cử chỉ rất mực hăng hái đó, bình tâm lại, dường như ở một nơi nào trong chỗ sâu kín của tiềm thức ông vẫn cứ âm thầm vang lên một lời nhắc nhở, rằng thật ra thì ông đã già rồi. Cái việc ông đóng vai con người xả thân hành động chỉ là vì tình thế bắt buộc mà thôi, chứ ông không phải là người còn hợp với "tạng" này. Và thế là, cũng như ở những bài thơ xuất thế, một tâm thế cương lại cái mạch hưng phấn tự tưởng đang có sẵn lại xuất hiện ở đây, và được biểu hiện cũng chính trong hai câu kết, nó gói trọn tâm sự thực của tác giả:

Ký thủ tặc nô bình định hậu,  
Trùng tâm Tân quán lữ ngư hà.  
(Ghi đội sau ngày yên giặc dữ,  
Lại về Tân quán bạn tôm cua.)

(Hữu Thế dịch)

(Thủy hành phó doanh cảm tác)  
Ký thủ vương sư hoàn khái nhật,  
Luân cân bố hạt nhậm nhàn tình.  
(Ngày nào quân lính khái hoàn,  
Khăn thô áo vải an nhàn thành thoi.)

(Tòng Tây chinh, bài 1)

Đúng về cấu trúc nghệ thuật, thơ xuất thế và thơ nhập thế của Nguyễn Bình Khiêm quả thực đều có chỗ giống nhau. Hơn ai hết, hiện tượng phản tỉnh, lật đi lật lại trong tư duy nghệ thuật của Nguyễn Bình Khiêm phản ánh một sự giằng co không dứt giữa hai mặt xuất và xử trong chiều sâu tư tưởng của con người tác giả.

(Tập chí Nhà văn, số 3 năm 2000)

Nguồn: <http://www.vantuyen.net/index.php/?view=story&subjectid=1878>